

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp diễn ra rất gay gắt và khốc liệt. Để tìm cho mình chỗ đứng vững chắc trên thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp phải có sức mạnh nội lực và có một môi trường kinh doanh lành mạnh.

Nắm bắt được tình hình và nhu cầu đó, Đảng và Nhà nước ta không ngừng đổi mới và mở rộng cơ chế kinh tế kêu gọi đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước được tự do kinh doanh và bình đẳng trước pháp luật. Đất nước ta đang đứng trước thời cơ mới, một vận hội mới để thay đổi diện mạo, tiến lên ngày càng giàu mạnh hơn. Nhiệm vụ này đặt trên vai các doanh nghiệp Việt Nam một trọng trách rất to lớn, góp phần công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước.

Để làm được điều đó các doanh nghiệp phải biết phát huy hết khả năng sức mạnh của mình để luôn luôn làm chủ trước mọi thời cơ, có những chiến lược phát triển kinh doanh, phát triển sản phẩm với những ngành nghề mà họ đang theo đuổi. Mục tiêu của các doanh nghiệp là tối đa hoá lợi nhuận. Cần phải sử dụng có hiệu quả các công cụ quản lý như kế toán, do đó việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp các nhà quản lý có quyết định kịp thời.

Đòi hỏi với việc phát triển của nền kinh tế, hệ thống kế toán Việt Nam cũng đã đổi mới phù hợp với nền kinh tế và hội nhập với chuẩn mực quốc tế. Nói cách khác, trong một doanh nghiệp nhất thiết phải có hạch toán kế toán vì đây là một môn khoa học quản lý đồng thời cũng là một công việc, một nghề nghiệp trong lĩnh vực quản lý kinh tế tài chính

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh có vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh – là công cụ đắc lực giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp có hướng đầu tư đúng đắn, hạn chế được rủi ro trong kinh doanh bảo toàn và phát triển vốn sản xuất

Từ nhận thức trên, trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH vận tải Thành Trung em đã nghiên cứu tìm hiểu về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả

kinh doanh tại công ty. Công ty đã sử dụng kế toán nh- một công cụ đắc lực cho việc điều hành và quản lý kinh doanh trong công ty. Với sự giúp đỡ nhiệt tình của các cán bộ nhân viên trong phòng kế toán nói riêng, cùng với sự h- ớng dẫn của cô giáo Tiến sĩ Nghiêm Thị Thà em đã chọn đề tài : “ Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH vận tải Thành Trung” để làm khoá luận tốt nghiệp.

Kết cấu của khoá luận gồm 3 phần:

Ch- ơng I: Tổng quan lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Ch- ơng II: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH vận tải Thành Trung

Ch- ơng III: Một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH vận tải Thành Trung

CHƯƠNG I.

TỔNG QUAN LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1.1. Những vấn đề lý luận về doanh thu

1.1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của doanh thu

*** Khái niệm doanh thu:**

- Doanh thu: Là tổng hợp giá trị các lợi ích kinh tế của doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ hoạt động sản xuất thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là tổng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (Nếu có).

*** Đặc điểm của doanh thu:**

Khi bán sản phẩm, hàng hóa hay cung cấp dịch vụ, doanh thu phát sinh dưới dạng tiền hoặc khoản chấp nhận cho nợ (cho nợ: là sự cam kết của khách hàng sẽ trả tiền hàng hay dịch vụ ở một thời điểm được ấn định trong tương lai).

Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại.

Đối với các khoản tiền hoặc tương đương tiền không được nhận ngay thì doanh thu được xác định bằng cách quy đổi giá trị danh nghĩa của các khoản sẽ thu

được trong tương lai về giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ lãi suất hiện hành. Giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu có thể nhỏ hơn giá trị danh nghĩa sẽ thu được trong tương lai.

Doanh thu phải được theo dõi riêng theo từng loại doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia. Trong từng loại doanh thu lại được chi tiết theo từng thứ doanh thu như doanh thu bán hàng có thể được chi tiết thành doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá nhằm phục vụ cho việc xác định đầy đủ, chính xác kết quả kinh doanh theo yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh và lập báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.1.2. Phân loại doanh thu trong doanh nghiệp, các phương thức bán hàng, thời điểm ghi nhận doanh thu.

*** Phân loại doanh thu:**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là số tiền ghi trên hoá đơn bán hàng hay hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ.
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm giá hàng bán, doanh thu của số hàng bán bị trả lại, chiết khấu thương mại và số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu hay thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp.
- Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc một công ty, tổng công ty.
- Doanh thu hoạt động tài chính: Bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.
- Doanh thu trợ cấp, trợ giá: Bao gồm các khoản doanh thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.

- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư: Bao gồm doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và doanh thu bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

*** Các phương thức bán hàng:**

Trong các giai đoạn của quá trình sản xuất kinh doanh thì tiêu thụ hàng hoá là khâu cuối cùng và nó có ý nghĩa quan trọng đối với các doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp bởi vì quá trình này chuyển hoá vốn từ hình thái hiện vật sang hình thái giá trị “ tiền tệ ”.

Trong nền kinh tế hiện đại để đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ các Doanh nghiệp phải đáp ứng nhiều hình thức tiêu thụ đảm bảo đối tượng khách hàng khác nhau có một lượng phương thức tiêu thụ tương ứng, phù hợp.

+ Phương thức đầu tiên mà ta thường thấy đó là phương thức tiêu thụ trực tiếp:

Theo phương thức này khách hàng trực tiếp đến doanh nghiệp mua hàng. Sau khi nhận hàng bên mua ký xác nhận vào hoá đơn bán hàng, lúc đó hàng được xác nhận là tiêu thụ và được hạch toán và doanh thu.

+ Phương thức hàng gửi đi bán:

Theo phương thức này Doanh nghiệp xuất kho hàng gửi đi bán cho khách hàng theo hợp đồng. Khi hàng gửi đi bán chưa được coi là tiêu thụ, hàng gửi đi bán chỉ được coi là tiêu thụ và hạch toán vào doanh thu trong những trường hợp sau:

- Doanh nghiệp nhận được tiền hàng do khách hàng trả.
- Khách hàng đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán.
- Khách hàng đã ứng trước tiền hàng về số hàng gửi đi.
- Số hàng gửi đi áp dụng phương thức thanh toán theo kế hoạch thông qua ngân hàng.

+ Phương thức gửi hàng cho đại lý, ký gửi:

Bán hàng đại lý, ký gửi là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý, ký gửi (gọi là bên đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

Theo luật thuế GTGT nếu bên đại lý bán hàng theo đúng giá do bên giao đại lý quy định và phần hoa hồng được hưởng tính theo tỷ lệ thoả thuận trên phần

Doanh thu chưa có thuế VAT thì toàn bộ thuế VAT sẽ do chủ hàng chịu, bên đại lý không phải nộp thuế VAT trên phần hoa hồng được hưởng. Ngược lại, nếu bên đại lý hưởng hoa hồng tính theo tỷ lệ thoả thuận trên phần doanh thu (gồm cả thuế VAT) hoặc bên đại lý hưởng khoản chênh lệch giá thì bên đại lý sẽ phải chịu thuế VAT trong phạm vi doanh thu của mình.

+ Phương thức bán trả chậm, trả góp:

Theo phương thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp. Khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần. Lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi xuất nhất định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua, thu được tiền hoặc xác định được phần người mua phải trả thì hàng hoá được coi là tiêu thụ.

+ Phương thức hàng đổi hàng:

Nghĩa là doanh nghiệp lấy sản phẩm của mình quy ra giá cả thị trường rồi dùng tiền quy đổi đó để mua sản phẩm của đơn vị khác. Trong trường hợp này doanh thu được tính theo giá sản phẩm cùng loại mà doanh nghiệp bán thu tiền.

* **Thời điểm ghi nhận doanh thu:**

Khi hàng được xác định đã tiêu thụ, thời điểm đó được quy định như sau:

- Với phương thức bán buôn qua kho, bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức giao hàng trực tiếp thì thời điểm đã tiêu thụ là bên mua đã ký nhận đủ hàng; bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc nhận nợ.
- Với phương thức bán buôn qua kho, bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức chuyển hàng thì thời điểm xác nhận tiêu thụ là bên bán đã chuyển hàng đến địa điểm bên mua; bên bán đã thu được tiền hàng hoặc bên mua nhận nợ.
- Với phương thức bán hàng đại lý ký gửi, khi người đại lý ký gửi thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận thanh toán hoặc họ thông báo hàng đã bán được.

1.1.1.3. Các yếu tố làm giảm doanh thu.

Trong điều kiện kinh doanh hiện nay, để đẩy mạnh bán hàng, thu hồi nhanh chóng tiền hàng doanh nghiệp cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng, nếu

khách hàng mua với khối lượng lớn sẽ được doanh thu chiết khấu, còn nếu hàng kém phẩm chất thì khách hàng có thể chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá

Tổng số doanh thu bán hàng sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu gọi là doanh thu thuần

- Chiết khấu thương mại: Là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua do mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

- Giảm giá hàng bán: Là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hoá đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng...(do chủ quan doanh nghiệp).

- Hàng bán bị trả lại: Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do người bán không tôn trọng hợp đồng kinh tế đã ký kết như: Không phù hợp với yêu cầu, tiêu chuẩn quy cách kỹ thuật, hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu các mặt hàng, dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất và hạn chế tiêu thụ như rượu, bia, thuốc lá...

- Thuế xuất khẩu: Được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc uỷ thác xuất khẩu thì phải nộp thuế này.

Doanh	DT	Chiết	DT	Giảm	Thuế TTĐB,
thu BH	= bán	- khấu	- BH bị	giá	thuế XK phải
thuần	hàng	TM	trả lại	hàng	nộp, thuế
				bán	GTGT trực tiếp

1.1.1.4. Vai trò, vị trí của doanh thu trong các doanh nghiệp.

Doanh thu có ý nghĩa rất quan trọng. Doanh thu là cơ sở để có kết quả kinh doanh, nó có vai trò vô cùng quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Nói đến doanh thu, trước hết ta phải nói đến quá trình tiêu thụ của doanh nghiệp. Vì vậy, nếu tiêu thụ tốt sẽ góp phần làm tăng doanh thu, tăng tốc độ chu chuyển vốn của doanh nghiệp, làm cho đồng vốn kinh doanh không bị ứ đọng, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất tiếp theo.

Qua quá trình tiêu thụ, doanh nghiệp thu về khoản doanh thu bán hàng. Đó chính là nguồn thu quan trọng, chủ yếu để doanh nghiệp bù đắp chi phí, trang trải cho số vốn đã bỏ ra, có tiền để thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ, công nhân viên và làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng.

Đối với các doanh nghiệp, doanh thu bao gồm nhiều loại khác nhau, phát sinh từ các hoạt động khác nhau. Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là bộ phận doanh thu chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của doanh nghiệp.

Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để doanh nghiệp làm tăng vốn chủ, có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác, đầu tư vào công ty con.

Doanh thu còn là đòn bẩy kinh tế quan trọng có tác dụng khuyến khích người lao động và các đơn vị ra sức phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

1.1.2. Những vấn đề lý luận về chi phí.

1.1.2.1. Khái niệm, ý nghĩa, vai trò của chi phí trong doanh nghiệp.

*** Khái niệm chi phí:**

Chi phí là phí tổn tài nguyên, vật lực gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Chi phí hoạt động được tính vào kết quả kinh doanh, được tài trợ bằng nguồn vốn kinh doanh và được bù đắp bằng thu nhập tạo ra trong kỳ.

*** Ý nghĩa và vai trò của chi phí trong doanh nghiệp:**

Chi phí là yếu tố để tạo ra doanh thu, nó được đối trừ với doanh thu để xác định kết quả kinh doanh, do đó cũng như doanh thu nó được trình bày theo tính chất của các hoạt động mà nó được phát sinh ra từ hoạt động đó.

Chi phí trong doanh nghiệp được phản ánh là chi phí sản xuất kinh doanh, tính giá thành sản phẩm, dịch vụ, phản ánh giá trị hàng hoá, vật tư mua vào, trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ bán ra; phản ánh chi phí tài chính; phản ánh chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuộc các ngành và các thành phần kinh tế.

Chi phí có vai trò quan trọng trong các doanh nghiệp vì chi phí là các khoản mà công ty phải chi trả cho các hoạt động tài chính. Nếu công ty biết cách chi tiêu hợp lý sẽ mang lại nhiều lợi ích cho công ty, giúp công ty thu được lợi nhuận cao nhất.

1.1.2.2. Các loại chi phí và những nhân tố ảnh hưởng tới chi phí.

*** Giá vốn hàng bán.**

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (Đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Giá vốn hàng bán còn là các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (Trường hợp phát sinh không lớn), chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản chi phí của doanh nghiệp. Giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm (đối với Doanh nghiệp sản xuất), là giá mua hàng hóa cộng chi phí thu mua hàng hóa (đối với Doanh nghiệp thương mại).

*** Chi phí bán hàng:**

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp, bao gồm:

- Chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.
- Chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo.
- Chi phí hoa hồng đại lý.
- Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá...

*** Chi phí quản lý doanh nghiệp:**

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp, bao gồm các chi phí như:

- Chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...)
- BHXH, BHYT, KPCĐ của nhân viên quản lý doanh nghiệp
- Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp
- Tiền thuê đất, thuế môn bài
- Các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi
- Dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ,...)
- Chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng,...).

*** Chi phí hoạt động tài chính.**

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...; khoản nhập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.3.1. Khái niệm, ý nghĩa, mục đích xác định kết quả kinh doanh.

*** Khái niệm, mục đích xác định kết quả kinh doanh:**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (Gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp gồm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ; doanh thu hoạt động tài chính và trị giá vốn hàng bán; chi phí bán hàng; chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính.

Lợi nhuận khác: Là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

Mục đích của việc xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là để đánh giá về kết quả kinh doanh có thể là lãi hoặc lỗ, về hiệu quả quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Từ kết quả đó sẽ được phân phối, sử dụng theo những mục đích nhất định theo quy định của cơ chế tài chính như: Làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước, chia lãi cho các bên liên doanh, chia cổ tức cho các cổ đông, để lại cho doanh nghiệp để hình thành các quỹ và bổ sung nguồn vốn.

*** Ý nghĩa và vai trò của việc xác định kết quả kinh doanh:**

Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung, trong việc xác định doanh thu và chi phí trong kỳ của doanh nghiệp nói riêng. Xác định đúng kết quả giúp cho doanh nghiệp biết được tình hình sản xuất kinh doanh của mình, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp đưa ra các chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong các chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp phải xác định và phản ánh một cách đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Kế toán doanh thu, chi phí luôn gắn liền với việc xác định kết quả kinh doanh. Kết quả kinh doanh ngoài việc là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của quá trình kinh doanh trong một thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp với Nhà nước mà còn là số liệu thông tin cho các nhà đầu tư, ngân hàng, các đối tượng liên quan xem xét có nên đầu tư nữa hay không. Do vậy, với bất kỳ một doanh nghiệp nào, các công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh luôn luôn đóng vai trò quan trọng, nó có tính chất sống còn đối với các doanh nghiệp.

1.1.3.2. Những yếu tố để xác định kết quả kinh doanh.

Sau một kỳ kế toán, cần xác định kết quả của hoạt động kinh doanh trong kỳ. Kết quả kinh doanh được tập hợp từ các doanh thu và các chi phí, bao gồm:

- Các loại doanh thu như: Doanh thu hoạt động sản xuất chính, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động khác.
- Các chi phí như: Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí hoạt động khác.

Cuối kỳ kế toán, các doanh thu và chi phí trên được tập hợp lại và kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Tổng doanh thu} - \text{Tổng chi phí}$$

1.1.3.3. Sự cần thiết phải xác định kết quả kinh doanh.

Cùng với việc hạch toán doanh thu, chi phí thì xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện tốt nhất để cung cấp các thông tin cần thiết giúp cho ban lãnh đạo có thể phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả nhất, đồng thời cung cấp kịp thời các thông tin tài chính cho các bên liên quan.

Kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của một kỳ kế toán. Nó cho ta biết được trong kỳ kế toán đó công ty được lãi hay lỗ. Vì vậy việc xác định kết quả kinh doanh phải chính xác, đúng đắn và đầy đủ.

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, tính toán, ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản thu, các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản chi phí như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán, các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ và cuối mỗi kỳ phải xác định kết quả kinh doanh của hoạt động kinh doanh làm căn

cứ để lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Phải theo dõi chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi kịp thời ổn định kinh doanh.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách, báo cáo kế toán phù hợp để thu nhận, xử lý, hệ thống hoá và cung cấp thông tin về tình hình hiện có, biến động của hàng hoá, tình hình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kiểm tra, giám sát tình hình quản lý hàng hoá còn trong kho, tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

- Thực hiện tốt các yêu cầu trên sẽ đem lại hiệu quả thiết thực cho công tác tiêu thụ nói riêng và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp đồng thời cung cấp thông tin một cách kịp thời, đầy đủ cho đối tượng sử dụng thông tin.

1.2. KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

Theo Quyết định số 48/2006/QĐ- BTC áp dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền DN thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán nếu có.

*** Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn GTGT đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Hoá đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ (Hoá đơn thông thường) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...)

- Chứng từ kế toán khác có liên quan như: Phiếu xuất kho bán hàng, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ...

* **Tài khoản sử dụng:**

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Gồm 4 tài khoản cấp 2:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá.

TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm.

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

TK 5118: Doanh thu khác

* **Nguyên tắc hạch toán:**

- Đối với cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, khi viết hoá đơn bán hàng phải ghi rõ giá bán chưa có thuế GTGT, các khoản phụ thu, thuế GTGT phải nộp và tổng giá thanh toán. Doanh thu bán hàng được phản ánh theo số tiền bán hàng chưa có thuế GTGT.

- Đối với hàng hoá chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu được phản ánh trên tổng giá thanh toán.

- Đối với hàng hoá thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu thì doanh thu tính trên tổng giá mua bán.

- Doanh thu bán hàng phải được theo dõi chi tiết theo từng loại sản phẩm nhằm xác định chính xác, đầy đủ kết quả kinh doanh của từng mặt hàng khác nhau.

* **Kết cấu tài khoản**

- **Bên Nợ:**

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu và thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp trong kỳ.

+ Khoản giảm giá hàng bán

+ Trị giá hàng bán bị trả lại

+ Khoản chiết khấu thương mại

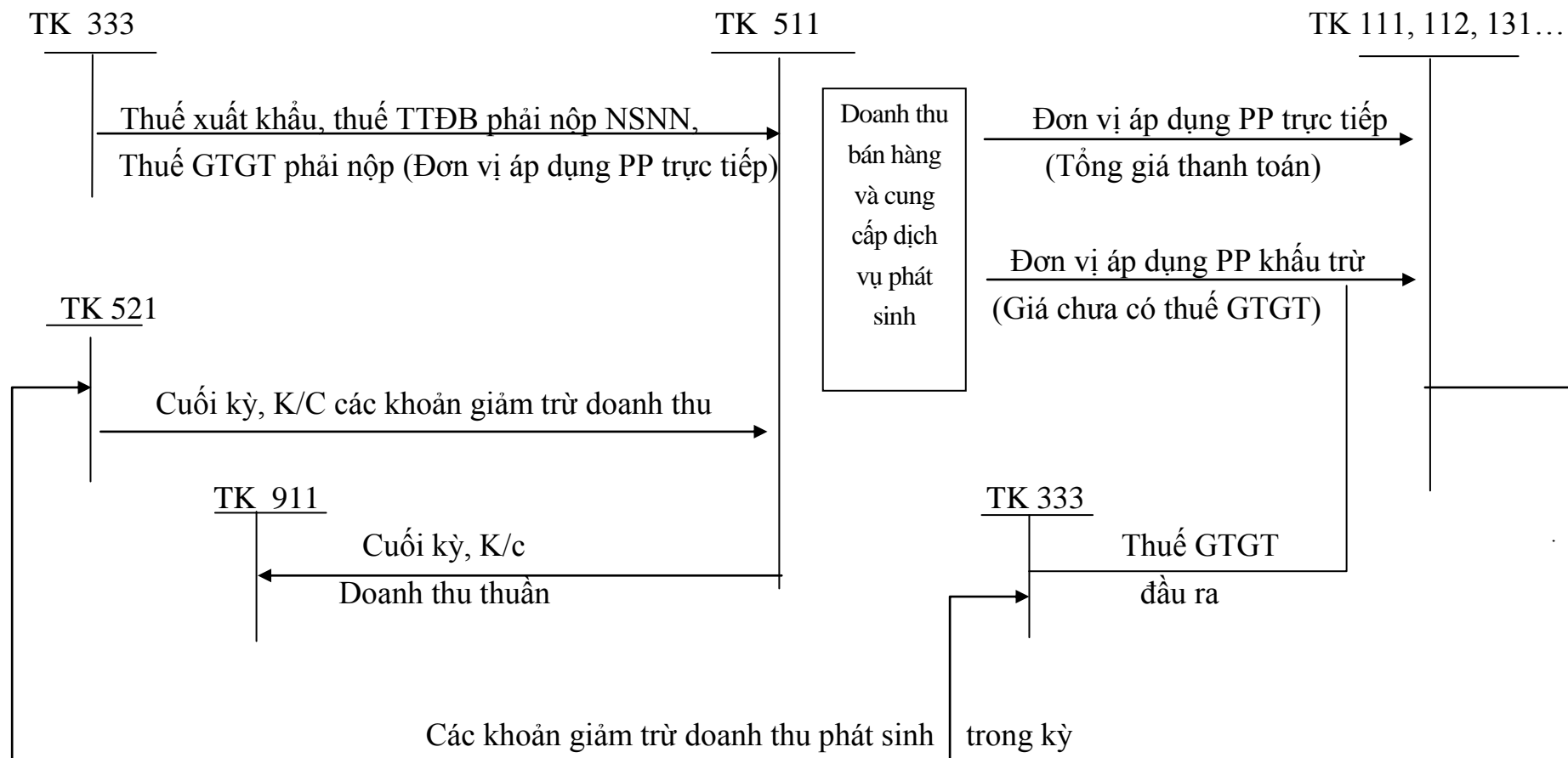
+ Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

- Bên có:

+ Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp lao vụ, dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán.

TK 511 không có số dư cuối kỳ.

*** Ph- ơng pháp hạch toán**



$$\text{Doanh thu thuần} = \text{Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ} - \text{Chiết khấu thương mại} - \text{Doanh thu hàng bán bị trả lại} - \text{Doanh thu hàng giảm giá} - \text{Thuế XK, TTĐB phải nộp NSNN, thuế GTGT phải nộp}$$

Sơ đồ 1.2.1: Hạch toán TK 511

1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu nh- : Chiết khấu th- ơng mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT nộp theo ph- ơng pháp trực tiếp, đ- ợc tính giảm trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán

* Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn bán hàng có ghi về các khoản chiết khấu, giảm giá hàng bán.
- Phiếu nhập kho về hàng bán bị trả lại.
- Các chứng từ thanh toán có liên quan

* Tài khoản sử dụng

TK 521: Các khoản giảm trừ doanh thu. Gồm 3 TK cấp 2:

TK 5211: Chiết khấu th- ơng mại

TK 5212: Hàng bán bị trả lại

TK 5213: Giảm giá hàng bán

TK 333(2,3): Thuế TTĐB, thuế XNK

* Nguyên tắc hạch toán

- Doanh nghiệp phải có quy chế quản lý và công bố công khai các khoản chiết khấu th- ơng mại, giảm giá hàng bán.
- Các khoản chiết khấu th- ơng mại hoặc giảm giá hàng bán cho số hàng bán ra trong kỳ phải đảm bảo doanh nghiệp kinh doanh có lãi.
- Phải ghi rõ trong hợp đồng kinh tế và hoá đơn bán hàng.

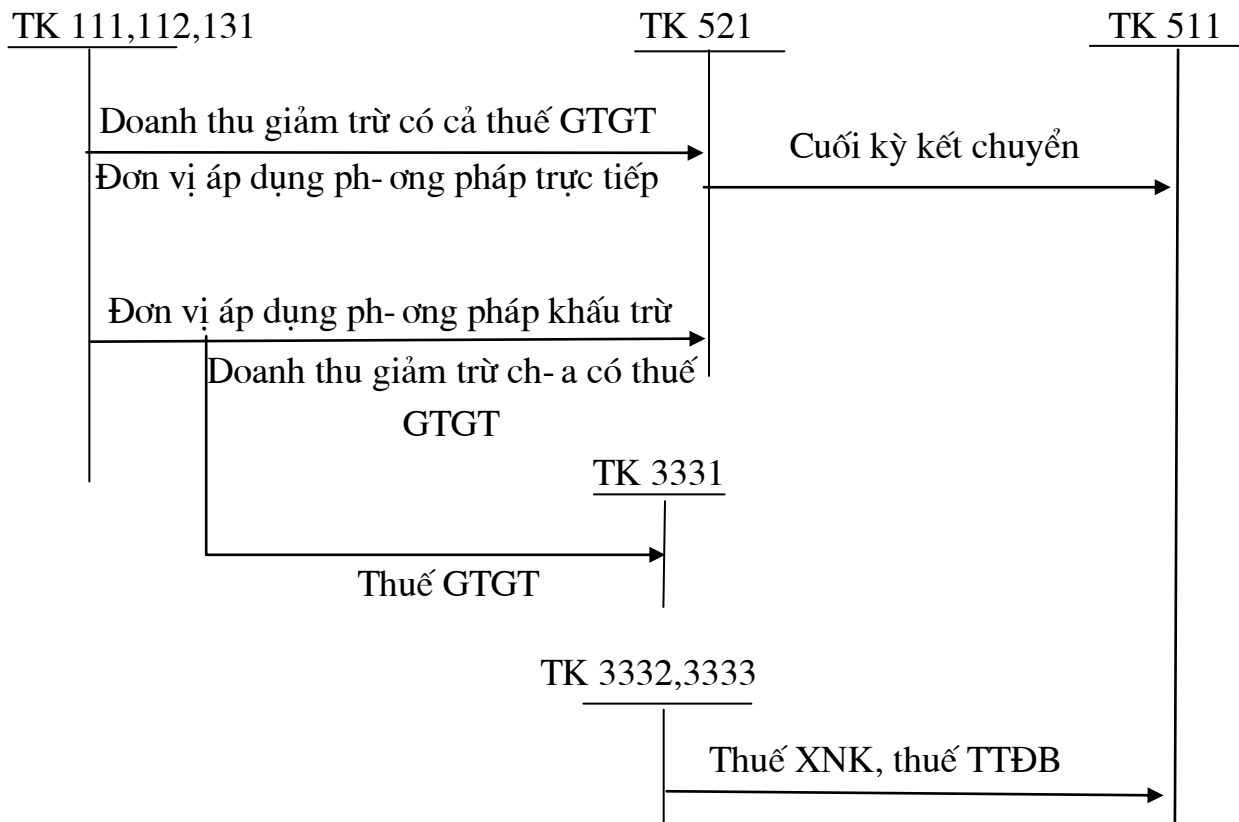
* Kết cấu tài khoản

- Bên Nợ:

- + Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
- + Giá trị của hàng bán bị trả lại.
- + Các khoản giảm giá đã chấp thuận cho người mua hàng

- Bên Có:

- + Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ sang tài khoản 511
- Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

* **Ph- ơng pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.2.2: Hạch toán TK 521

1.2.1.3. Kế toán thuế GTGT

* **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT về bán hàng
- Các hóa đơn liên quan đến giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại..
- Các chứng từ liên quan khác.

* **Tài khoản sử dụng**

TK 3331: Thuế GTGT phải nộp. Gồm 2 tài khoản cấp 3:

TK 33311: Thuế GTGT đầu ra

TK 33312: Thuế GTGT hàng nhập khẩu

* **Kết cấu tài khoản****- Bên Nợ:**

- + Số thuế GTGT đầu vào đã đ- ợc khấu trừ
- + Số thuế GTGT đã nộp và ngân sách Nhà n- ớc
- + Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán

+ Số thuế GTGT đ- ợc giảm trừ vào số thuế GTGT phải nộp

- Bên Có:

+ Số thuế GTGT phải nộp của hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ và hàng dùng để trao đổi, biếu tặng...

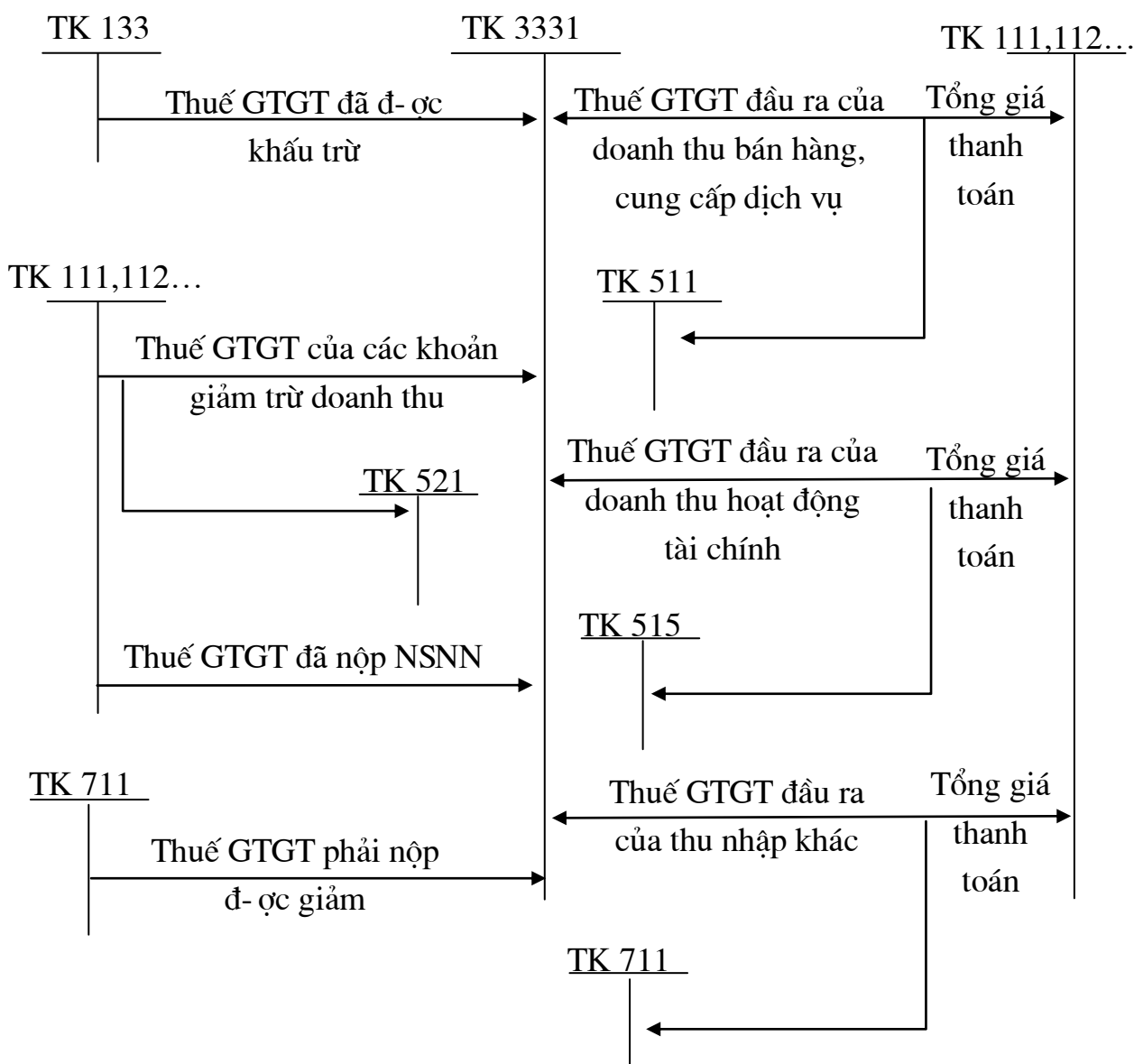
+ Số thuế GTGT phải nộp của hoạt động tài chính, hoạt động bất th- ờng khác

+ Số thuế GTGT của hàng nhập khẩu

Số d- Có: phản ánh số thuế GTGT còn phải nộp.

Số d- Nợ: phản ánh số thuế GTGT đã nộp thừa và ngân sách Nhà n- ớc.

*** Ph- ơng pháp hạch toán**



Sơ đồ 1.2.3: Hạch toán TK 3331

1.2.1.4. Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán: là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hoá lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất (giá thành công xưởng) hay chi phí sản xuất; với vật tư tiêu thụ là giá ghi sổ; với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn gồm trị giá mua của hàng hoá tiêu thụ cộng chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

* Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho về bán hàng hóa, sản phẩm

* Tài khoản sử dụng

TK 632: giá vốn hàng bán

* Nguyên tắc hạch toán

- Chỉ hạch toán giá vốn hàng bán khi các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ.

- Các khoản chi phí phát sinh như khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt quá định mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình hoàn thành thì được hạch toán trực tiếp vào giá vốn hàng bán.

* Phương pháp tính giá vốn

- Phương pháp bình quân gia quyền:

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, hàng hoá tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, hàng hoá nhập trong kỳ}}{\text{Số l- ượng SP, hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số l- ượng SP, hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

Đây là phương pháp khá đơn giản, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ. Tuy nhiên, phương pháp này có nhược điểm lớn là công tác kế toán dồn vào cuối kỳ ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Hơn nữa, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

+ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, hàng hoá thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

- Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):

FIFO được áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Phương pháp này giúp cho chúng ta có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Tuy nhiên, phương pháp này có nhược điểm là làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại.

- Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):

LIFO được giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này sản phẩm, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa,

giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó. Phương pháp này thích hợp với những hàng hoá giá trị cao gắn với những đặc điểm riêng của nó.

*** Kết cấu tài khoản**

- Bên Nợ:

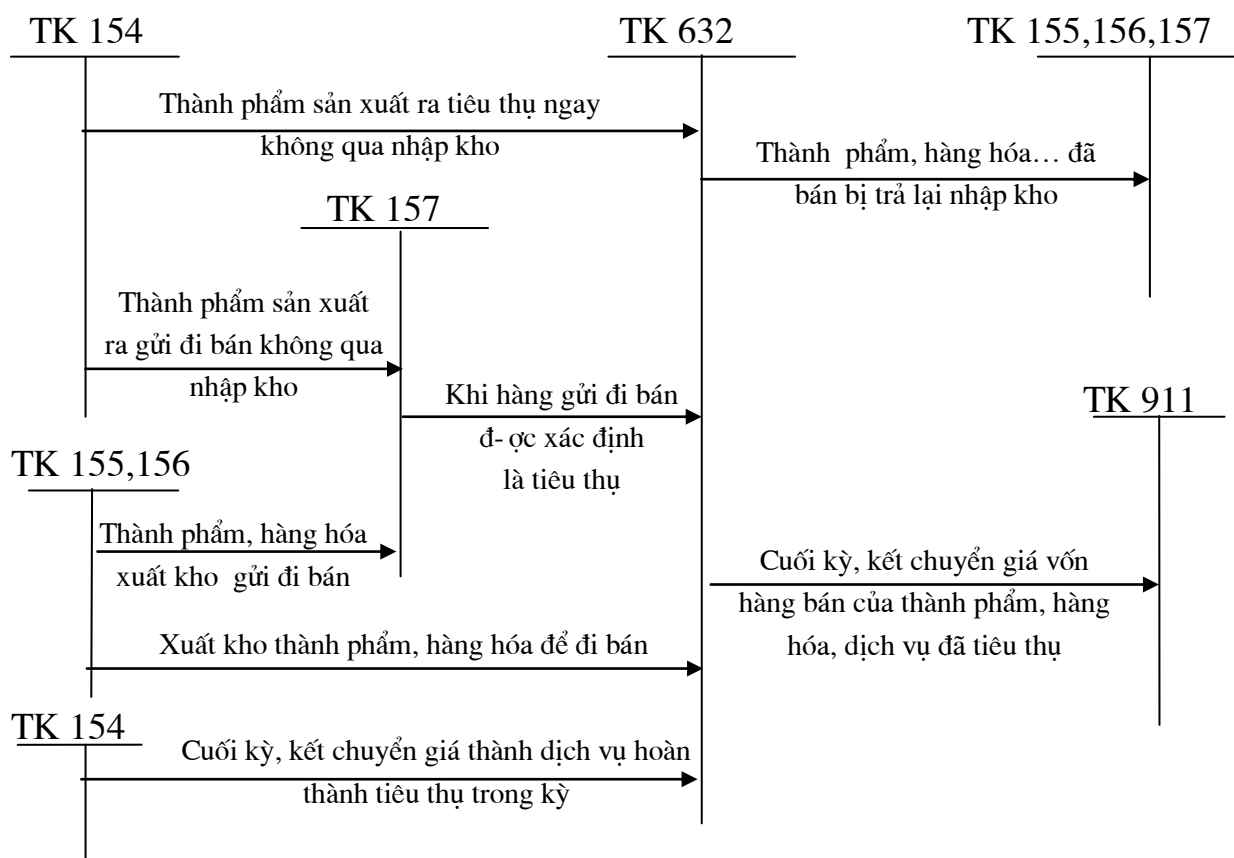
- + Phản ánh giá vốn sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.
- + Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào giá trị hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.
- + Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- + Phản ánh chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- + Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước.
- + Phản ánh các khoản chi phí liên quan đến BĐS đầu tư đem cho thuê, bán, thanh lý và giá trị còn lại của BĐS đem bán, thanh lý.

- Bên Có:

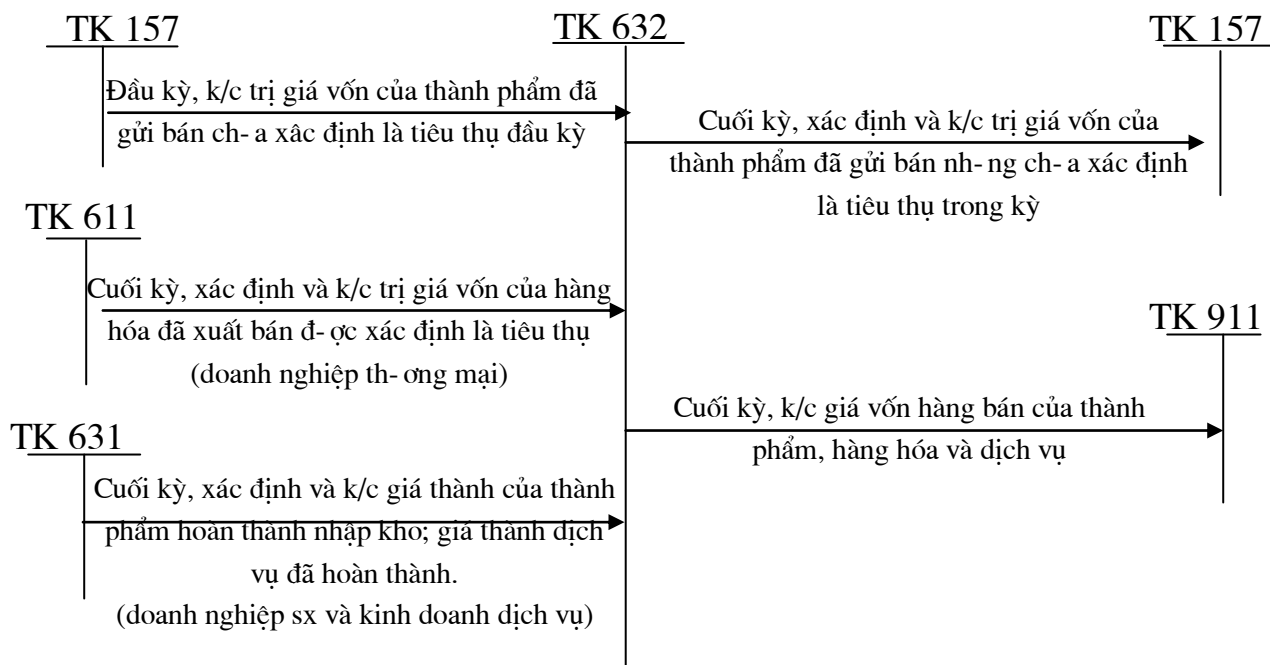
- + Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- + Giá vốn của hàng bán bị trả lại.
- + Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ và toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ sang TK911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 632 không có số dư.

*** Phương pháp hạch toán**



Sơ đồ 1.2.4: Hạch toán TK 632 theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.2.5: Hạch toán TK 632 theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.1.5. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm : chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng

*** Chi phí bán hàng:**

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

Chi phí bán hàng bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

*** Chi phí quản lý doanh nghiệp:**

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý doanh nghiệp, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn công ty.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định, thuê phí, lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

*** Chứng từ sử dụng**

- Các hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho công tác bán hàng và quản lý doanh nghiệp.
- Bảng thanh toán l- ơng cho nhân viên bán hàng và quản lý doanh nghiệp
- Phiếu xuất kho sản phẩm, hàng hóa phục vụ bán hàng và quản lý doanh nghiệp
- Các chứng từ khác liên quan đến hoạt động bán hàng và quản lý doanh nghiệp.

*** Tài khoản sử dụng:**

- **TK 642:** Chi phí quản lý kinh doanh. Gồm 2 tài khoản cấp hai

TK 6421: Chi phí bán hàng

TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

*** Kết cấu tài khoản**

Tài khoản 642: Chi phí quản lý kinh doanh

- **Bên Nợ:**

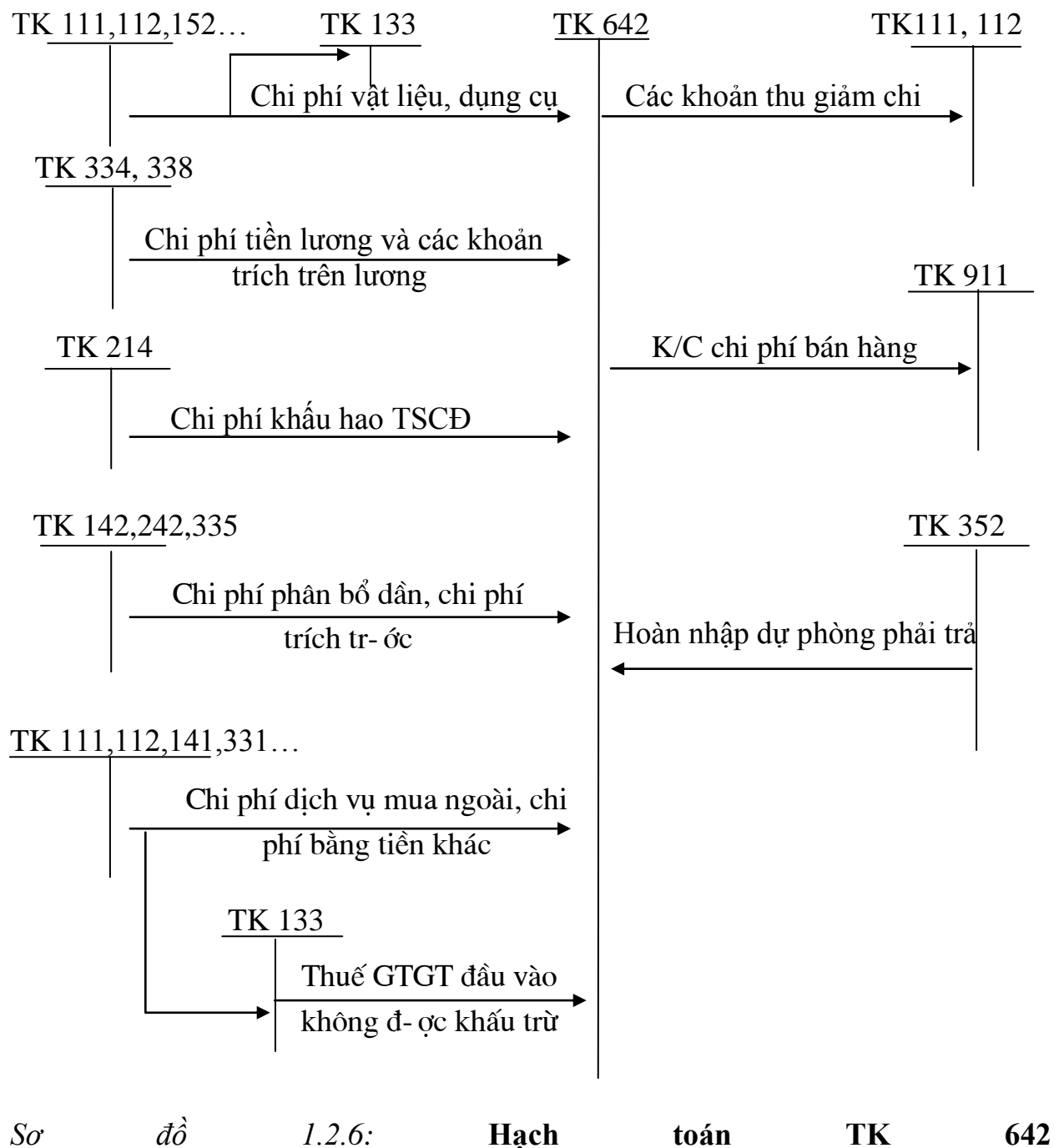
+ Tập hợp chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ.

- Bên Có:

- + Các khoản được phép ghi giảm chi phí quản lý (nếu có).
- + Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh sang bên Nợ TK911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

*** Phương pháp hạch toán**



1.2.2. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính trong doanh nghiệp

1.2.2.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là số tiền thu được từ các hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như lãi tiền gửi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

* **Tài khoản sử dụng:**

TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính. Bao gồm:

- Tiền lãi : Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân Hàng, lãi bán hàng trả chậm, ...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; liên doanh, đầu tư, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vốn khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái, Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

* **Kết cấu tài khoản:**

- **Bên Nợ:**

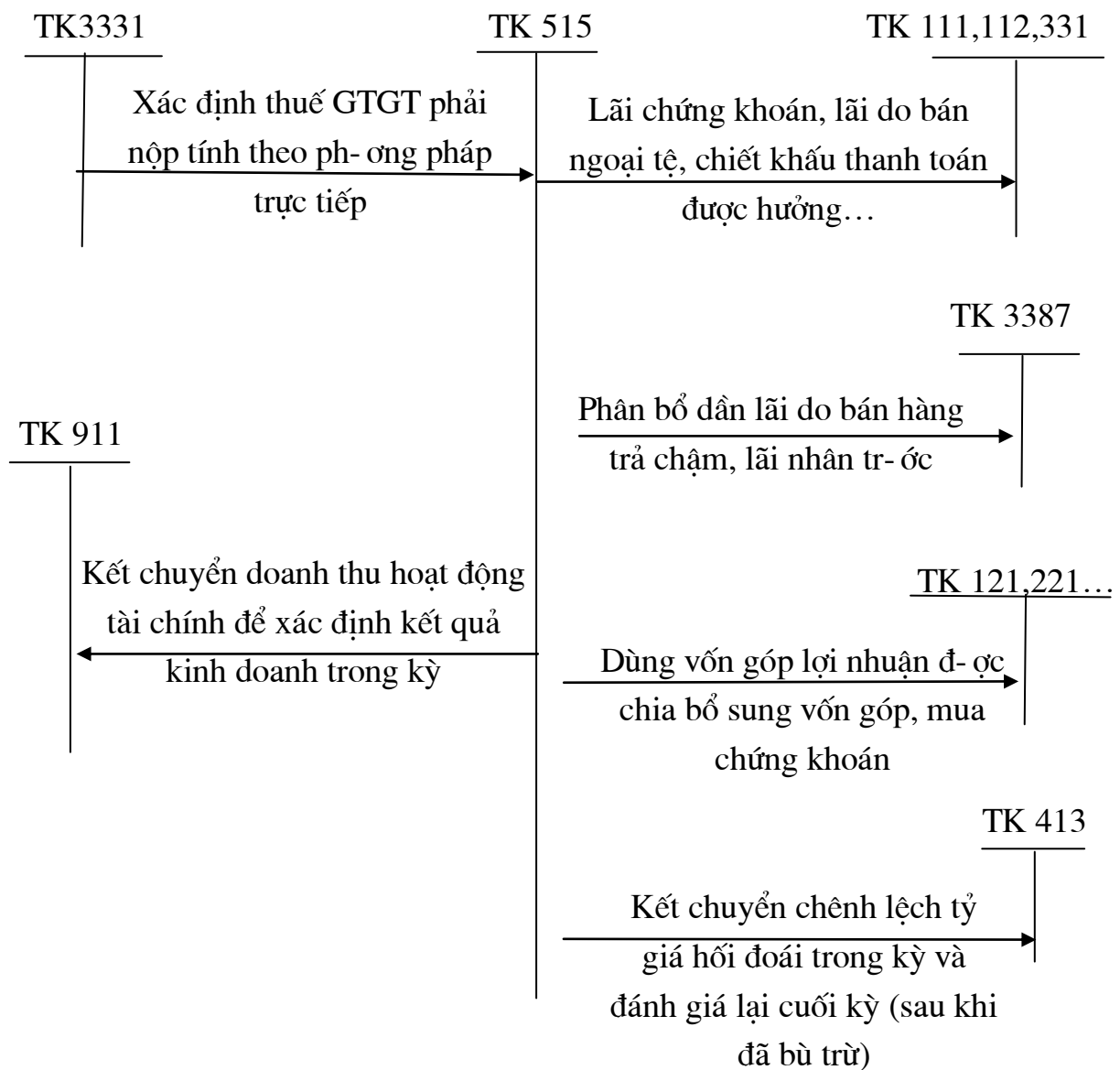
- + Số thuế TGTG phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

- **Bên Có:**

- + Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

* **Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.2.7: Hạch toán TK 515

1.2.2.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp.

*** Tài khoản sử dụng:**

TK 635: Chi phí hoạt động tài chính. Bao gồm:

- Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính
- Chi phí cho vay hoặc đi vay vốn
- Chi phí góp vốn liên doanh, liên kết,...

- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

*** Kết cấu tài khoản:**

- Bên Nợ:

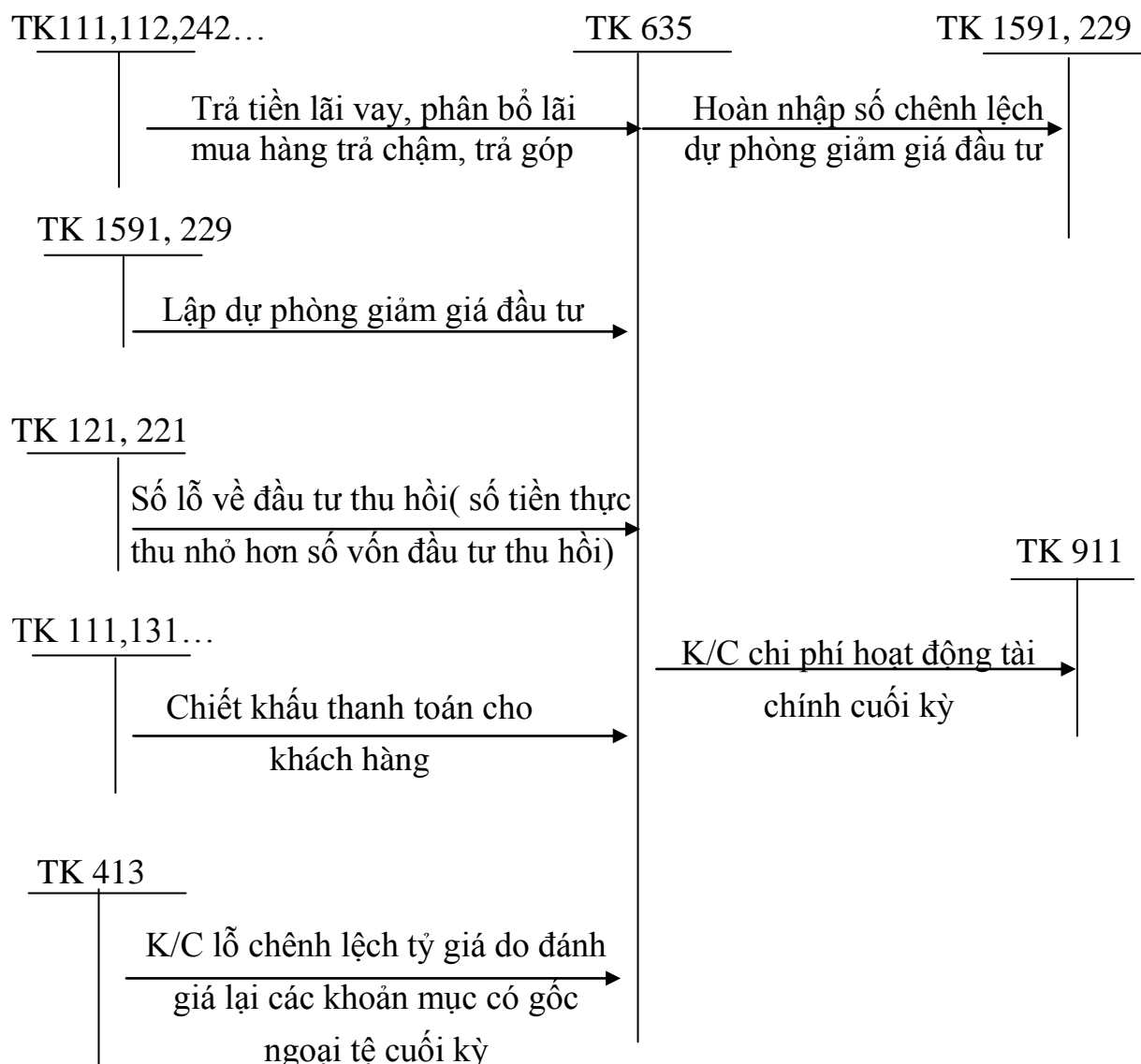
- + Các khoản chi phí hoạt động tài chính;
- + Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn;
- + Các khoản lỗ chênh lệch về tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế trong kỳ;
- + Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ;
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

- Bên Có:

- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- + Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 – Không có số dư cuối kỳ.

*** Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.2.8: Hạch toán TK 635

1.2.3. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác trong doanh nghiệp

1.2.3.1. Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác là khoản tiền thu được góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ những hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu như: thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng,...

*** Tài khoản sử dụng:**

TK 711: Thu nhập khác

*** Kết cấu tài khoản:**

- Bên Nợ:

+ Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

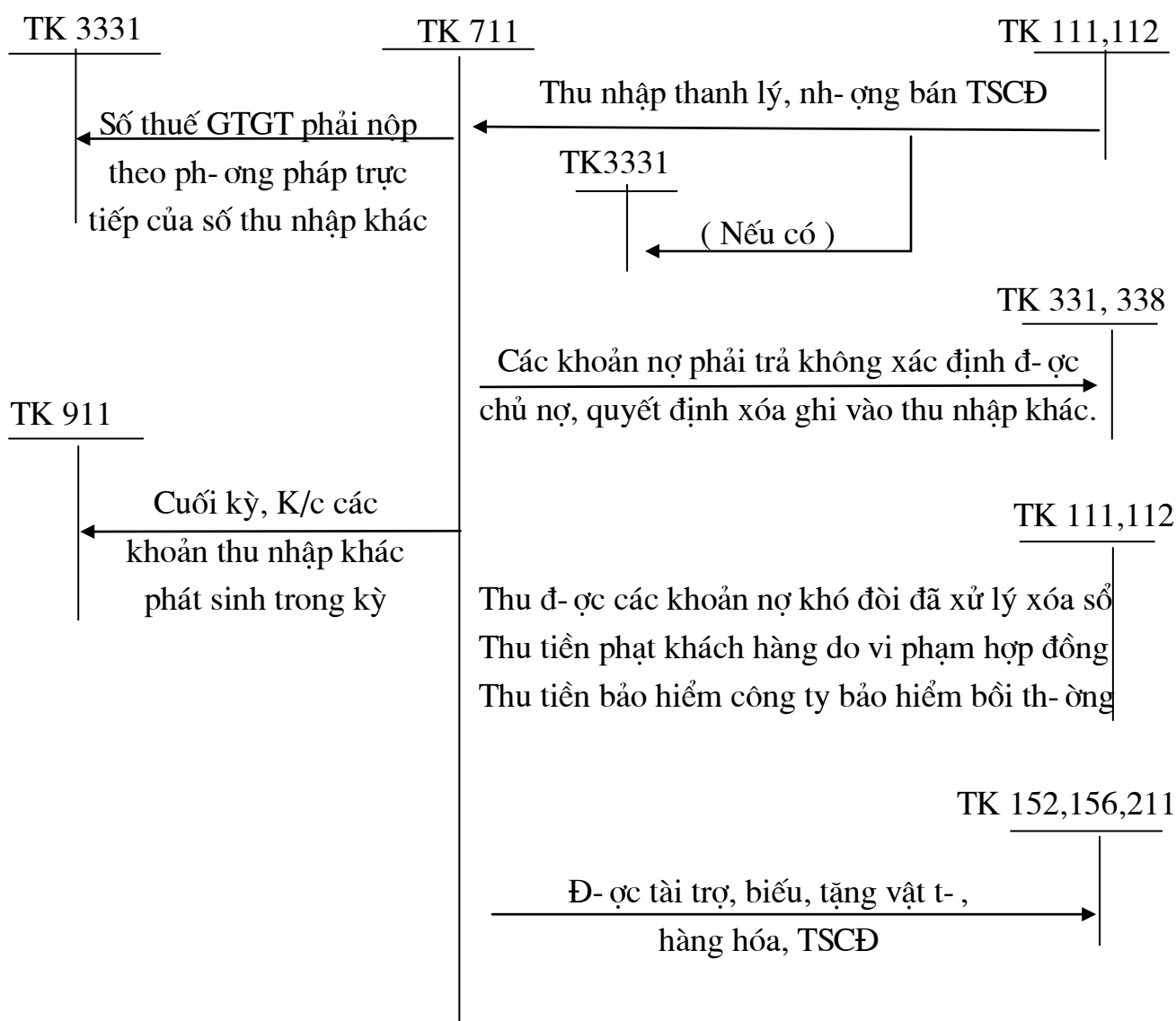
+ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ sang tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

- Bên Có:

+ Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 – Thu nhập khác không có số dư cuối kỳ

*** Ph- ơng pháp hạch toán**



Sơ đồ 1.2.9: Hạch toán TK 711

1.2.3.2. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác bao gồm các khoản chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như: Chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản tiền bị khách hàng phạt do vi phạm hợp đồng.

* **Tài khoản sử dụng:**

TK 811: Chi phí khác

* **Kết cấu tài khoản:**

- **Bên Nợ:**

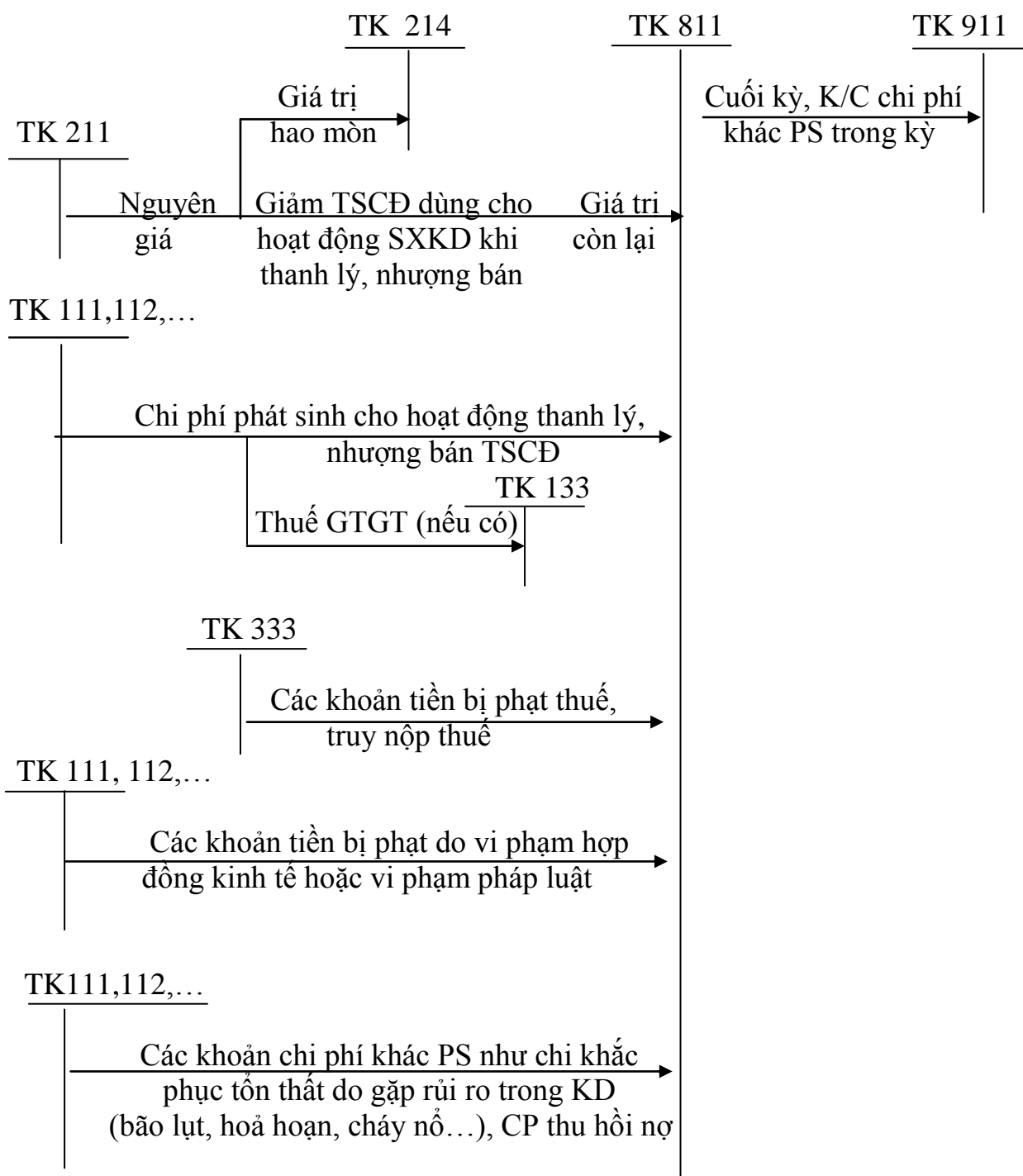
+ Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ

- **Bên Có:**

+ Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 811 - Chi phí khác không có số dư cuối kỳ.

* **Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.2.10: Hạch toán TK 811

1.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

* **Tài khoản sử dụng:**

TK 911: Xác định kết quả kinh doanh*** Nguyên tắc hạch toán:**

- Tài khoản này phải phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của chính sách tài chính hiện hành.
- Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính...). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.

*** Kết cấu tài khoản:****- Bên Nợ:**

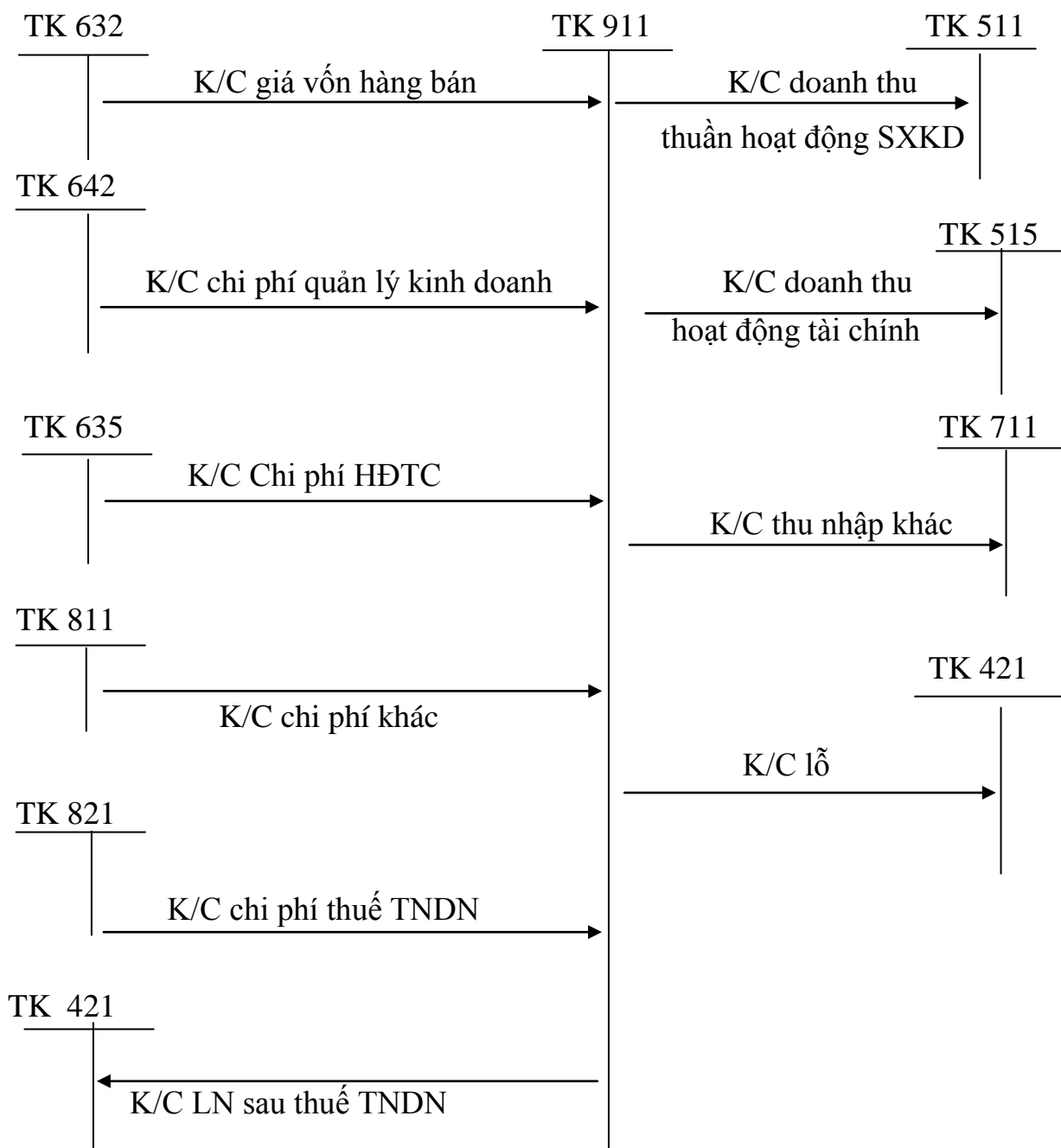
- + Trị giá vốn của sản phẩm hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ và toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.
- + Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
- + Chi phí tài chính
- + Chi phí khác
- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- + Lãi sau thuế các hoạt động trong kỳ

- Bên Có:

- + Doanh thu thuần về sản phẩm hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ
- + Doanh thu hoạt động tài chính
- + Thu nhập khác
- + Lãi về các hoạt động trong kỳ

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

*** Phương pháp hạch toán:**



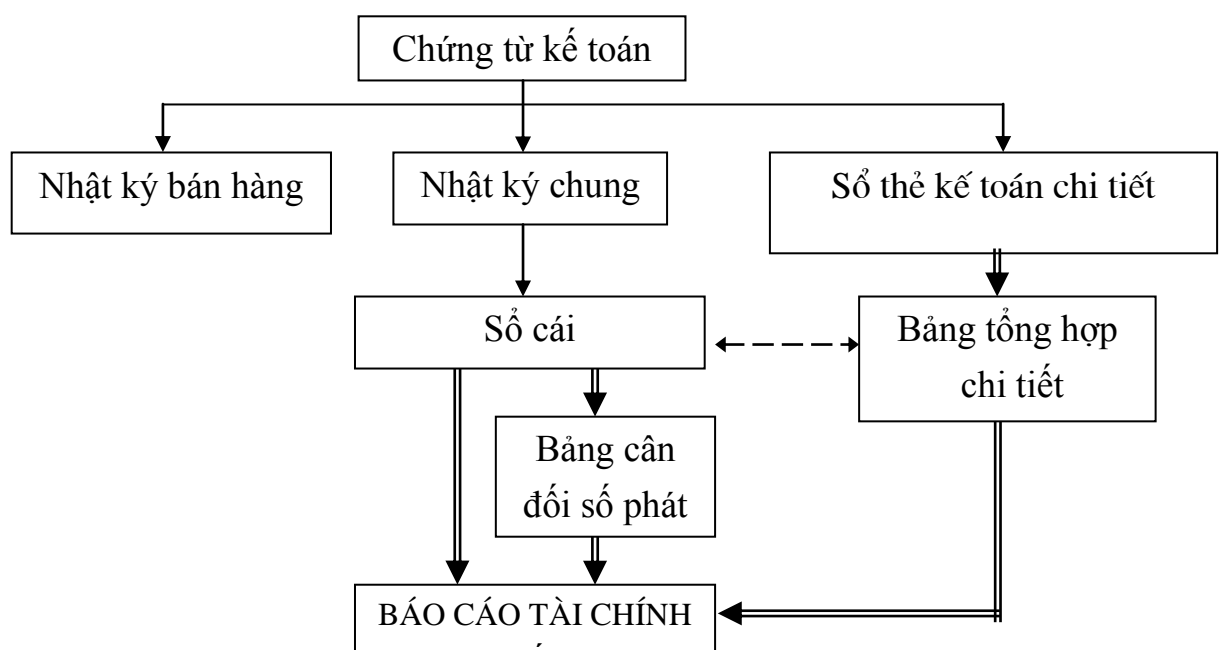
Sơ đồ 1.2.11: Hạch toán TK 911

1.3. CÁC HÌNH THỨC KẾ TOÁN

Các doanh nghiệp thực hiện theo quyết định số 48/2006/ QĐ- BTC được áp dụng các hình thức kế toán sau:

*** Hình thức nhật ký chung:**

Hình thức này phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian vào Sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào Sổ NKC lấy số liệu để ghi vào Sổ Cái. Mỗi bút toán phản ánh trong sổ NKC được chuyển vào sổ cái ít nhất cho hai TK có liên quan.



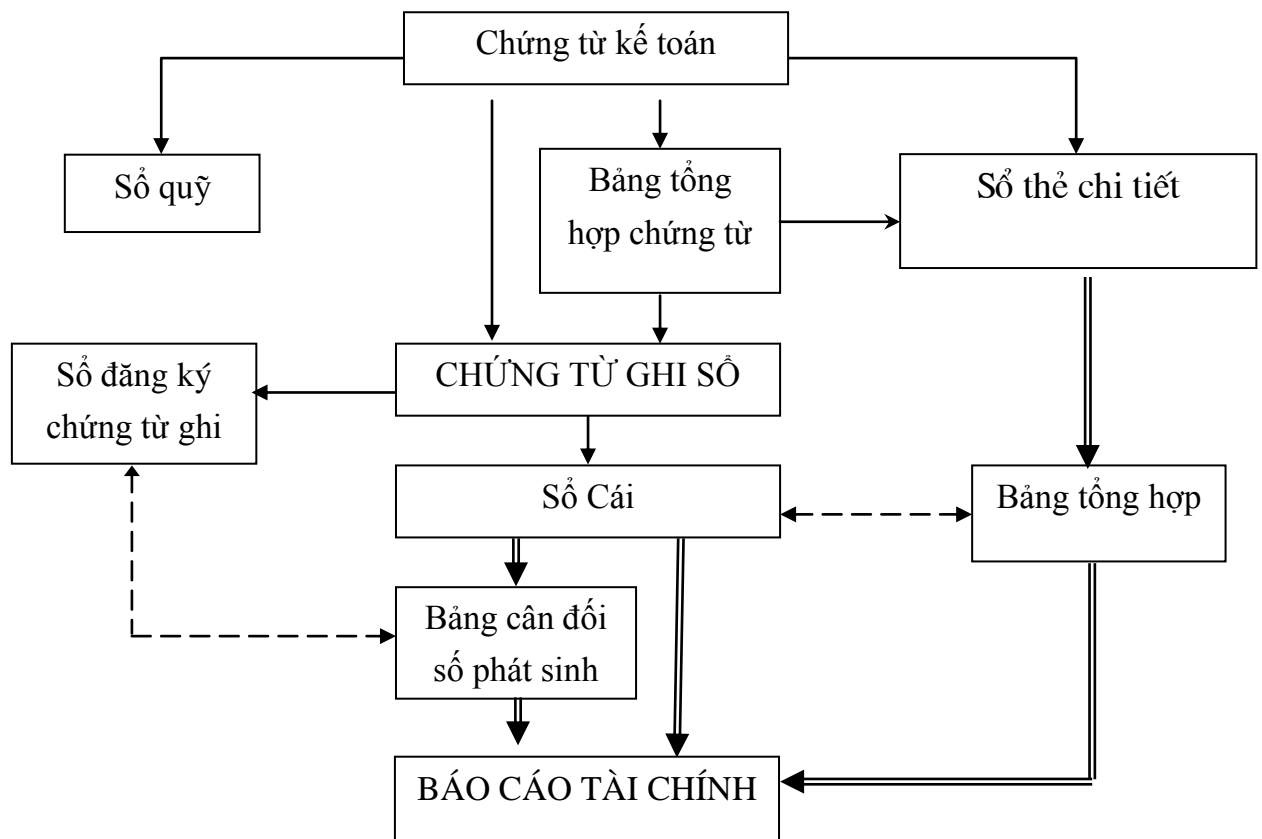
Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu

*** Hình thức chứng từ ghi sổ:**

Hình thức này thích hợp với mọi loại hình doanh nghiệp, thuận tiện cho việc áp dụng máy tính. Tuy nhiên ghi chép bị trùng lặp nhiều nên việc báo cáo dễ bị chậm trễ nhất là trong điều kiện thủ công.

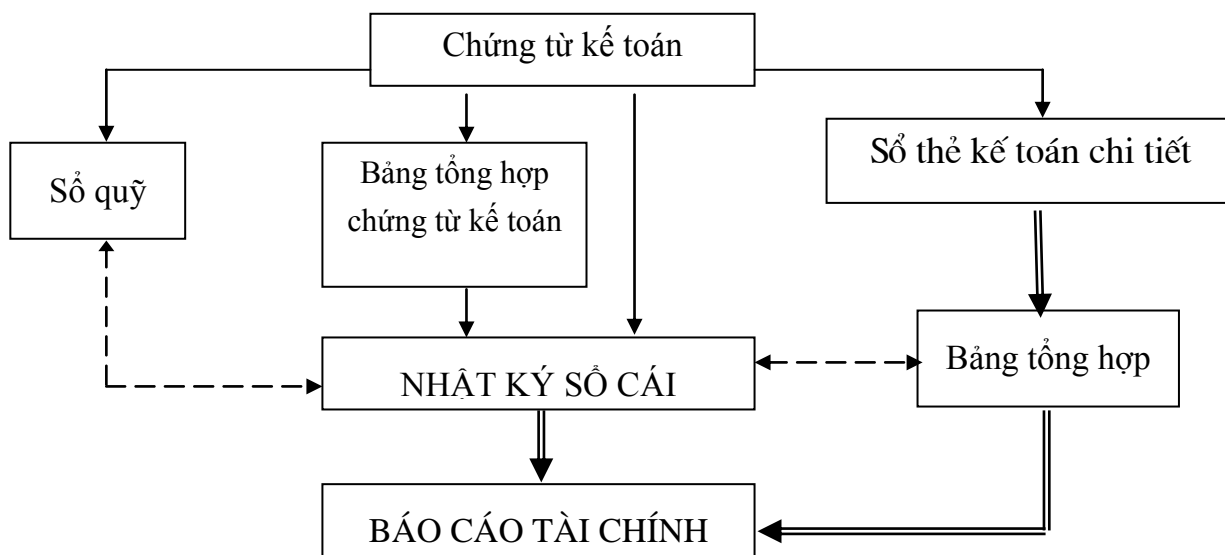
Sổ sách hình thức này gồm: Sổ cái, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Bảng cân đối tài khoản, các thẻ và sổ hạch toán chi tiết.



- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng
 - ↔ Đối chiếu

*** Hình thức nhật ký – sổ cái:**

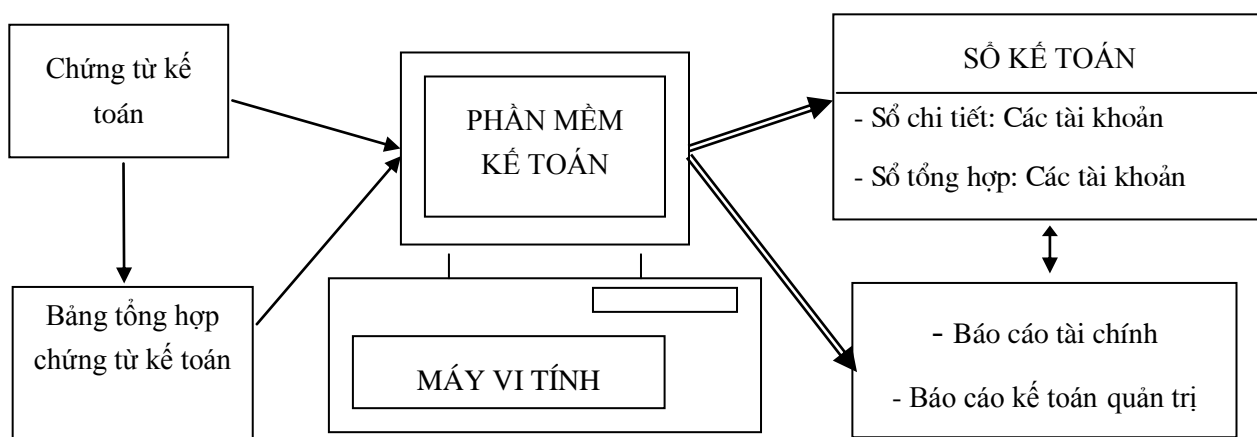
Hình thức này, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh vào sổ Nhật ký - Sổ cái. Sổ này hạch toán tổng hợp duy nhất, kết hợp phản ánh theo thời gian và theo hệ thống. Tất cả các tài khoản doanh nghiệp sử dụng được phản ánh cả hai bên Nợ - Có trên cùng một vài trang sổ. Căn cứ ghi sổ là chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ gốc, mỗi chứng từ ghi một dòng vào Nhật ký – Sổ cái.



- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng
 - ↔ Đối chiếu

*** Hình thức kế toán máy:**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong ba hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và BCTC theo quy định



- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng
 - ↔ Đối chiếu

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THÀNH TRUNG

2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THÀNH TRUNG

2.1.1. Quá trình hình thành công ty

Công ty TNHH vận tải Thành Trung thành lập ngày 23/04/2007

Địa chỉ: Số 81 Bạch Đằng- Thị trấn Núi Đèo- Thủy Nguyên- Hải Phòng

Mã số thuế: 0200739013

Điện thoại: 0313.874248

Fax: 0313.874248

Số tài khoản: 28000-259-5679 – Ngân hàng thương mại cổ phần nhà Hà Nội chi nhánh Lê Chân- Hải Phòng

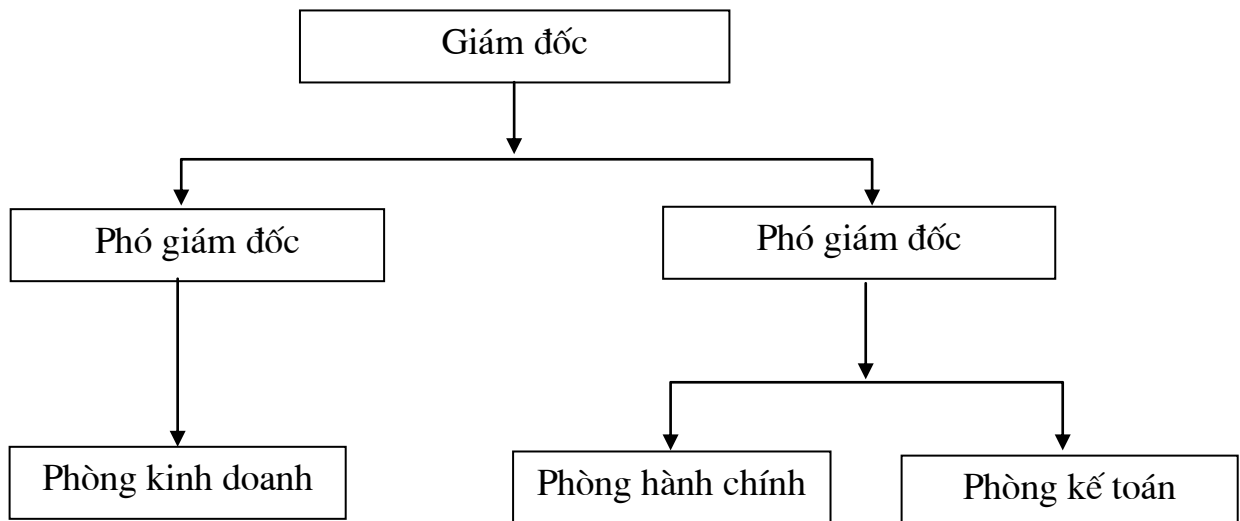
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Công ty kinh doanh các ngành nghề chủ yếu:

- Vận tải hàng hoá ven biển
- Vận tải hàng hoá viễn đ- ơng
- Vận tải hàng hoá đ- ờng thuỷ nội địa
- Dịch vụ đại lý vận tải đ- ờng biển
- Vận tải hành khách đ- ờng bộ
- Bán sắt, thép
- Bán tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến
- Bán xi măng
- Bán than đá và nhiên liệu rắn khác
- Bán gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi./.

2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty

2.1.3.1 Mô hình tổ chức cơ cấu bộ máy quản lý của công ty



Chức năng nhiệm vụ phân cấp nội bộ công ty:

* Giám đốc công ty:

Là ng-ời trực tiếp lãnh đạo, điều hành hoạt động của công ty qua bộ máy lãnh đạo của công ty. Giám đốc là ng-ời chịu trách nhiệm toàn diện tr-ớc pháp luật về mọi hoạt động của công ty tr-ớc công ty trong quan hệ đối nội và đối ngoại, hoạt động của công ty.

* Phó giám đốc tham m-u cho lãnh đạo giám đốc về điều hành nội bộ.

* Phòng kinh doanh : Tham m-u cho giám đốc công ty về kế hoạch kinh doanh và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đảm bảo hiệu quả, phối hợp với phòng kế toán để xác định tình hình công nợ theo các hợp đồng kinh tế đảm bảo hiệu quả.

* Phòng hành chính:

Xây dựng và áp dụng các chế độ quy định nội bộ về quản lý sử dụng lao động. Chịu trách nhiệm tr-ớc giám đốc công ty trong việc thực hiện các chính sách đối với ng-ời lao động.

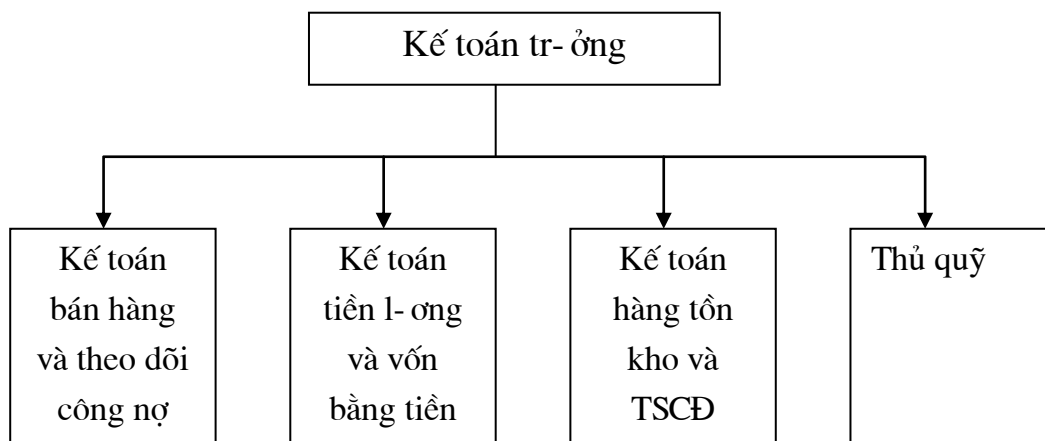
* Phòng kế toán:

Tham m-u cho giám đốc trong lĩnh vực quản lý các hoạt động tài chính, đề xuất lên giám đốc các ph-ơng án tổ chức kế toán ,đồng thời thông tin cho ban lãnh đạo những hoạt động tài chính, những thông tin cần thiết để kịp thời điều chỉnh quá trình hoạt động kinh doanh trong công ty.

2.1.3.2 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán

Công ty TNHH vận tải Thành Trung đang áp dụng hình thức kế toán là hình thức Nhật ký chung, xác định hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Sơ đồ: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán



* Kế toán trưởng:

– Có nhiệm vụ tổ chức chỉ đạo, kiểm tra thực hiện công tác kế toán tại doanh nghiệp, quán xuyên, tổng hợp đơn đốc các phần hành kế toán.

– Báo cáo với cơ quan chức năng về tình hình hoạt động tài chính của đơn vị thẩm quyền đ-ợc giao.

– nắm bắt và phân tích tình hình tài chính của công ty về vốn và nguồn vốn chính xác, kịp thời tham m- u cho lãnh đạo công ty trong việc quyết định quản lý chính xác kịp thời.

* Kế toán bán hàng và theo dõi công nợ:

– Theo dõi tình hình doanh thu, công nợ với khách hàng.

– Theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà n- ớc .

* Kế toán tiền l-ong và vốn bằng tiền:

-- Tính ra l-ong phải trả và bảo hiểm xã hội phải trả cho cán bộ nhân viên trong toàn công ty.

– Theo dõi xử lý các số liệu về tiền mặt và tiền gửi ngân hàng

– Lập đầy đủ, chính xác các chứng từ thanh toán cho khách hàng.

* Kế toán hàng tồn kho và TSCĐ:

– Có nhiệm vụ theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho hàng hoá.

- Theo dõi TSCĐ

* Thủ quỹ:

--Thực hiện trực tiếp quản lý, kiểm đúng các thu chi, tiền mặt dựa trên các phiếu thu, chi hàng ngày ghi chép kịp thời phản ánh chính xác thu, chi và quản lý tiền mặt hiện có. Th- ờng xuyên báo cáo tình hình tiền mặt tồn quỹ của công ty.

2.1.3.3. Chính sách kế toán áp dụng tại công ty

* Chế độ kế toán:

Công ty thực hiện theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ tr- ởng bộ tài chính và các thông tin h- ớng dẫn, sửa đổi, bổ xung chế độ kế toán của Bộ tài chính.

* Kỳ kế toán:

Công ty thực hiện kỳ kế toán theo năm d- ờng lịch, bắt đầu từ 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

* Đơn vị tiền tệ sử dụng:

Công ty thực hiện ghi sổ và lập báo cáo bằng đồng Việt Nam

* Ph- ơng pháp kế toán hàng tồn kho:

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo ph- ơng pháp kê khai th- ờng xuyên.

* Ph- ơng pháp tính trị giá xuất kho hàng hóa, vật liệu:

Công ty tính giá xuất kho theo ph- ơng pháp bình quân gia quyền.

* Ph- ơng pháp khấu hao TSCĐ:

Công ty tính khấu hao theo ph- ơng pháp đ- ờng thẳng.

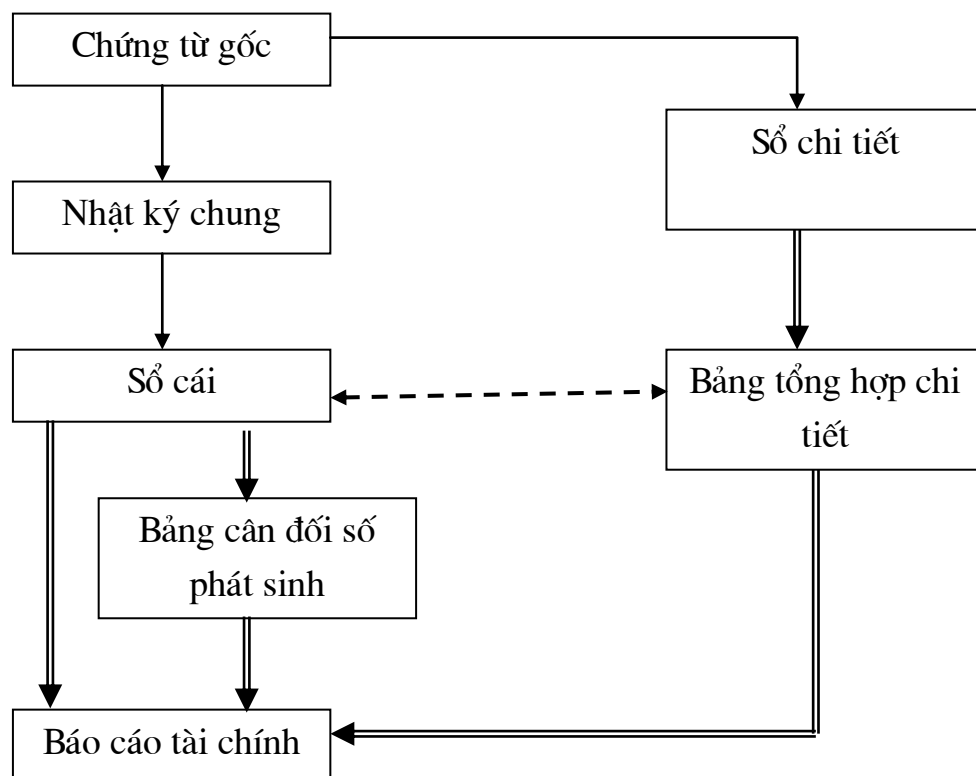
* Ph- ơng pháp kê khai và nộp thuế GTGT:

Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế theo ph- ơng pháp khấu trừ.

* Hình thức sổ kế toán áp:

Công ty áp dụng hình thức “ Nhật ký chung ”.

Sơ đồ: Sơ đồ hạch toán theo hình thức Nhật ký chung.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: ==>

Quan hệ đối chiếu: <- - - >

2.1.3.4. Hệ thống chứng từ sử dụng

Về hệ thống chứng từ sử dụng trong công ty hiện nay, công ty đã đăng ký sử dụng hầu hết các chứng từ do Bộ tài chính phát hành.

Chứng từ các phân hành chủ yếu:

-Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng: Phiếu chi, Phiếu thu, giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tiền tạm ứng, giấy báo Nợ, giấy báo Có.

-Tiền l-ơng và các khoản trích theo l-ơng: bảng phân bổ tiền l-ơng và các khoản trích theo l-ơng, bảng thanh toán l-ơng.

-Tài sản cố định: hóa đơn mua bán, biên bản giao nhận TSCĐ, bảng tính và trích khấu hao TSCĐ, biên bản thanh lý TSCĐ.

-Vật t-, CCDC, hàng hóa: hóa đơn mua hàng, Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho.

-Tiêu thụ hàng hóa: hóa đơn GTGT, Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho.

2.1.3.5. Hệ thống tài khoản kế toán:

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo quy định trong Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, công ty đã tiến hành nghiên cứu, vận dụng và chi tiết hóa hệ thống tài khoản kế toán, nhưng vẫn phù hợp với nội dung, kết cấu và phương pháp hạch toán của các tài khoản tổng hợp tương ứng.

2.1.3.6. Hệ thống báo cáo tài chính.

Hệ thống báo cáo tài chính của công ty thống nhất theo quy định của Bộ tài chính ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ- BTC của Bộ tr- ờng bộ tài chính.

Các báo cáo công ty lập bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán: mẫu B01- DNN
- Bảng báo cáo kết quả kinh doanh: mẫu B02- DNN
- Báo cáo l- u chuyển tiền tệ: mẫu B03- DNN
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính: mẫu B09- DNN

2.1.4. Một số kết quả kinh doanh đạt đ- ợc và định h- ớng phát triển công ty

2.1.4.1. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong 2 năm gần đây

Là doanh nghiệp đ- ợc thành lập gần 4 năm, bên cạnh những kết quả đạt đ- ợc còn không ít những khó khăn, tuy nhiên công ty luôn cố gắng hoạt động kinh doanh tốt, đ- ợc đánh giá là có uy tín.

Kết quả kinh doanh của công ty qua 2 năm gần đây nh- sau:

Qua bảng số liệu ta thấy doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh của công ty đã tăng 11.200.311.741 gấp đôi so với năm tr- ớc. Doanh thu tăng cao là do sự phát triển của nền kinh tế sau một năm 2009 với nhiều biến động. Bên cạnh đó là nhờ có sự nghiên cứu và nắm bắt tốt tình hình cũng nh- nhu cầu thị tr- ờng của ban lãnh đạo trong công ty. Cùng với sự tăng lên của doanh thu thì giá vốn hàng bán cũng tăng 9.118.759.263, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 315.908.118. Ta có thể thấy tỷ lệ tăng của chi phí quản lý doanh nghiệp không bằng doanh thu nh- vậy công ty đã có chính sách tốt để tiết kiệm chi phí và cần phát huy trong những năm tiếp theo. Tuy nhiên giá vốn hàng bán lại tăng cao hơn năm tr- ớc, nh- vậy chúng ta

cần tìm hiểu rõ nguyên nhân để có sự điều chỉnh hợp lý nhằm đạt hiệu quả cao trong kinh doanh.

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2010**

DVT : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21,236,365,350	10,036,053,609
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 + 02)	10	21,236,365,350	10,036,053,609
4. Giá vốn hàng bán	11	15,136,942,360	6,018,183,097
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20	6,099,422,990	4,017,870,512
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7,568,698	7,523,340
7. Chi phí tài chính	22	1,798,967,664	1,682,063,606
* Trong đó : Chi phí lãi vay	23	1,798,967,664	1,182,063,606
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	681,687,328	505,779,210
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+21-22-24)	30	3,626,336,696	1,837,551,036
10. Thu nhập khác	31		
11. Chi phí khác	32		
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50	3,626,336,696	1,837,551,036
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	906,584,174	459,387,759
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60	2,719,752,522	1,378,163,277

2.1.4.2. Định hướng phát triển công ty

- Để tăng khả năng vận chuyển, mở rộng thị trường công ty sẽ đầu tư đóng thêm tàu có trọng tải lớn.
- Bên cạnh việc tăng năng lực chuyên chở, mở rộng thị trường công ty cũng đẩy mạnh việc nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên. Tuyển dụng những người có khả năng giao tiếp, ngoại giao tốt đảm bảo đem lại cho công ty những hợp đồng vận tải lớn.
- Trong những năm tới công ty cũng sẽ đẩy mạnh việc mở rộng thị trường ra bên ngoài.
- Bên cạnh việc phát triển dịch vụ vận tải, trong những năm tới công ty cũng đẩy mạnh việc phát triển lĩnh vực thương mại.

2.2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THÀNH TRUNG

2.2.1. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH vận tải Thành Trung.

2.2.1.1. Đặc điểm kinh doanh và tiêu thụ hàng hóa tại công ty

Công ty tham gia vào hai lĩnh vực kinh doanh là: vận tải đường thủy nội địa và kinh doanh thương mại.

*** Vận tải đường thủy nội địa:**

Đây là lĩnh vực hoạt động chính và đem lại doanh thu lớn cho công ty.

Kinh doanh vận tải đường thủy phụ thuộc vào trọng tải và chất lượng tàu. Hiện nay công ty có ba tàu trong đó hai tàu trọng tải 1000 tấn, một tàu trọng tải 3000 tấn. Công ty đang tiếp tục đóng mới một tàu trọng tải 3000 tấn để đưa vào phục vụ trong năm tới.

*** Kinh doanh thương mại:**

Kinh doanh thương mại là lĩnh vực công ty mới tham gia trong năm 2010 gồm mua bán gỗ, xi măng các loại. Ban đầu mới tham gia lên hiệu quả và doanh thu chưa cao.

2.2.1.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hợp đồng vận chuyển, hợp đồng mua bán (nếu có).
- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu.
- Giấy báo có của Ngân hàng.
- Các chứng từ có liên quan

*** Tài khoản sử dụng:**

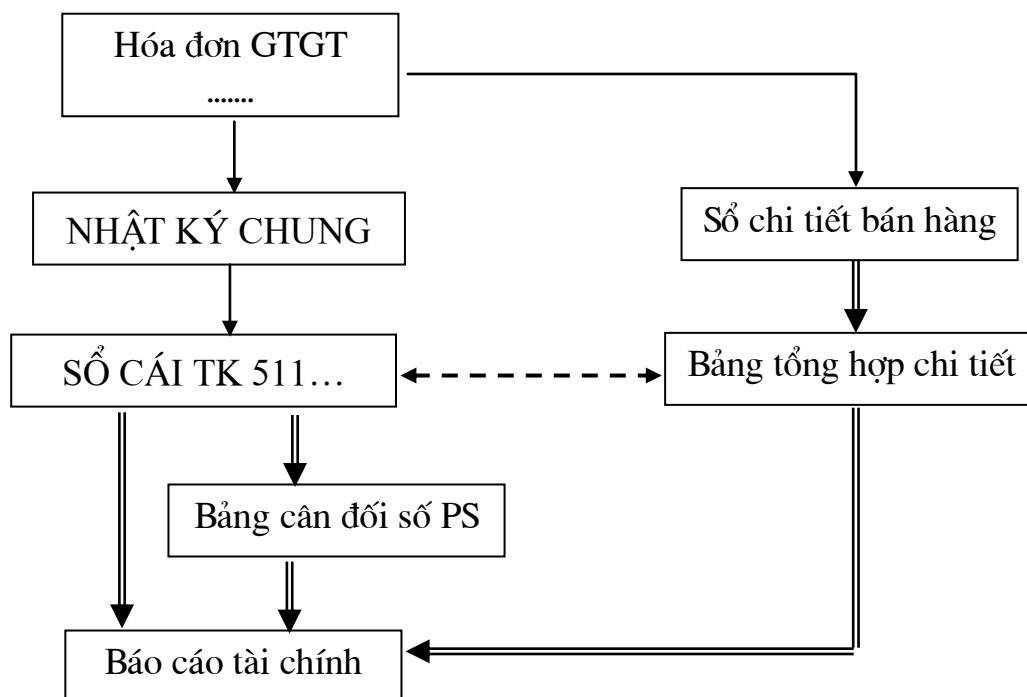
- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có các tài khoản cấp 2:
 - + TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
 - + TK 5113: Doanh thu dịch vụ.
- TK 111,112,131: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng.
- TK 33311: Thuế GTGT đầu ra.

*** Sổ kế toán sử dụng**

Hàng ngày khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu bán hàng kế toán công ty sẽ tiến hành vào các sổ:

- Nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 511, 333, 111,....
- Sổ chi tiết tài khoản 5111, 5113...
- Các sổ có liên quan khác

*** Quy trình luân chuyển chứng từ:**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu: \longleftrightarrow

Ví dụ: Hoạt động th- ơng mại.

Ngày 25/12/2010 công ty bán 40 tấn xi măng cho cửa hàng ông Trần Văn Lan

- Cộng tiền hàng 31 200 000
- Thuế GTGT 10%
- Ch- a thanh toán

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

- Kế toán viết hóa đơn GTGT, phiếu thu
- Kế toán định khoản
 - o Doanh thu:

Nợ 131	: 34 320 000
Có 5111	: 31 200 000
Có 3331	: 3 120 000

Ví dụ: Hoạt động vận tải

Ngày 17/12/2010 vận chuyển tinh bột sắn cho công ty TNHH Hùng Thái từ Quy Nhơn đi Hải Phòng.

- Cộng tiền hàng: 101 818 182
- Thuế GTGT 10%
- Ch- a thanh toán

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh :

- Kế toán viết hóa đơn GTGT
- Kế toán định khoản
 - o Doanh thu:
 - Nợ 131 : 112 000 000
 - Có 5113 : 101 818 182
 - Có 3331 : 10 181 818

Công ty TNHH vận tải Thành Trung
Số 81 Bạch Đằng - Núi Đèo - TN - HP

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

ĐVT: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ/-	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
.....
13/12/2010	PC 20/12	13/12/2010	"Dịch vụ thẩm định giá"	642 133	2 090 909 209 091	
				111		2 300 000
17/12/2010	HĐ 097710	17/12/2010	Vận chuyển tinh bột	131	112 000 000	
				5113		101 818 182
				3331		10 181 818
20/12/2010	LCC 25/12	20/12/2010	Thu tiền bán hàng	112	292 000 000	
				131		292 000 000
22/12/2010	HĐ 097711	22/12/2010	Thu tiền bán hàng	112	174 999 990	
				5113		159 090 900
				3331		15 909 090
25/12/2010	HĐ 097713	25/12/2010	Bán xi măng	131	34 320 000	
				5111		31 200 000
				3331		3 120 000
	PX 03/12	25/12/2010	Xuất xi măng	632-H	27 400 000	
				156		27 400 000
.....
			Tổng cộng		208 632 945 761	208 632 945 761

(Trích tháng 12 năm 2010)

Công ty TNHH vận tải Thành Trung
Số 81 Bạch Đằng - Núi Đèo - TN - HP

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

SỔ CÁI

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tháng 12 năm 2010

ĐVT: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ/-	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số đầu kỳ		-	
			Phát sinh			
.....
17/12/2010	HĐ 097710	17/12/2010	DT vận chuyển	131		101 818 182
22/12/2010	HĐ 097711	22/12/2010	DT vận chuyển	112		159 090 900
24/12/2010	HĐ 097712	24/12/2010	DT xi măng	112		39 000 000
25/12/2010	HĐ 097713	25/12/2010	DT xi măng	131		31 200 000
26/12/2010	HĐ 097714	26/12/2010	DT vận chuyển	131		305 454 528
31/12/2010	PKT 04/12	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu	911	1 875 671 879	
			Tổng phát sinh		1 875 671 879	1 875 671 879
			Số cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ng- ời ghi sổ

Kế toán tr- ởng

Giám đốc

(Trích sổ cái TK 511 tháng 12 năm 2010)

Công ty TNHH vận tải Thành Trung
Số 81 Bạch Đằng - Núi Đèo - TN - HP

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

SỔ CÁI

TK 333: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tháng 12 năm 2010

ĐVT: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ/-	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số đầu kỳ			10 548 681
			Phát sinh			
....
17/12/2010	HĐ 097710	17/12/2010	Thuế GTGT vận chuyển	131		10 181 818
22/12/2010	HĐ 097711	22/12/2010	Thuế GTGT vận chuyển	112		15 909 090
24/12/2010	HĐ 097712	24/12/2010	Thuế GTGT hàng hóa	112		3 900 000
25/12/2010	HĐ 097713	25/12/2010	Thuế GTGT hàng hóa	131		3 120 000
....
31/12/2010		31/12/2010	Kết chuyển thuế GTGT	133	182 679 360	
			Tổng phát sinh		182 679 360	209 031 874
			Số cuối kỳ			117 901 195

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ng- ời ghi sổ

Kế toán tr- ờng

Giám đốc

(Trích sổ cái TK 333 tháng 12 năm 2010)

Công ty TNHH vận tải Thành Trung
Số 81 Bạch Đằng - Núi Đèo - TN - HP

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

SỔ CÁI

TK 131: Phải thu khách hàng

Tháng 12 năm 2010

ĐVT: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ/-	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số đầu kỳ		325 046 000	
			Phát sinh			
.....
17/12/2010	HĐ 097710	17/12/2010	DT vận chuyển	511	101 818 182	
20/12/2010	LCC	20/12/2010	Thái Sơn trả nợ	112		200 000 000
25/12/2010	HĐ 097713	25/12/2010	DT xi măng	511	31 200 000	
26/12/2010	HĐ 097714	26/12/2010	DT vận chuyển	511	305 454 528	
26/12/2010	LCC	26/12/2010	Hùng Thái trả nợ	112		101 818 182
.....
			Tổng phát sinh		438 472 710	301 818 182
			Số cuối kỳ		461 700 528	

Ng- ời ghi sổ

Kế toán tr- ởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc

(Trích sổ cái TK 131 tháng 12 năm 2010)

Công ty TNHH vận tải Thành Trung
Số 81 Bạch Đằng - Núi Đèo - TN - HP

Mẫu số S03b - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

TK: 5111

Tên sản phẩm, hàng hóa: Xi măng

Tháng 12 năm 2010

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ/-	Thành tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số đầu kỳ			
			Phát sinh			
....
12/12/2010	HĐ 097701	12/12/2010	Bán hàng	131		23 400 000
24/12/2010	HĐ 097712	24/12/2010	Bán hàng	112		39 000 000
25/12/2010	HĐ 097713	25/12/2010	Bán hàng	131		31 200 000
31/12/2010	PKT 18/12	31/12/2010	K/c doanh thu	911	93 600 000	
			Tổng phát sinh		93 600 000	93 600 000
			Số cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ng- ời ghi sổ

Kế toán tr- ờng

Giám đốc

(Trích sổ chi tiết TK 5111 tháng 12 năm 2010)

Công ty TNHH vận tải Thành Trung
Số 81 Bạch Đằng - Núi Đèo - TN - HP

Mẫu số S03b - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

TK: 5113

Tên sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ: vận tải
Tháng 12 năm 2010

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ/-	Thành tiền		
	SH	NT			Số đầu kỳ	Nợ	Có
...	
17/12/2010	HĐ 097710	17/12/2010	Vận chuyển bột	131		101 818 182	
22/12/2010	HĐ 097711	22/12/2010	Vận chuyển tôn	112		159 090 900	
26/12/2010	HĐ 097714	26/12/2010	Vận chuyển than	131		305 454 528	
...	
31/12/2010		31/12/2010	K/c doanh thu	911	1 782 071 879		
			Tổng phát sinh		1 782 071 879	1 782 071 879	
			Số cuối kỳ				

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ng- ời ghi số

Kế toán tr- ờng

Giám đốc

(Trích sổ chi tiết TK 5113 tháng 12 năm 2010)

2.2.1.3. Kế toán giá vốn hàng bán của công ty

*** Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho

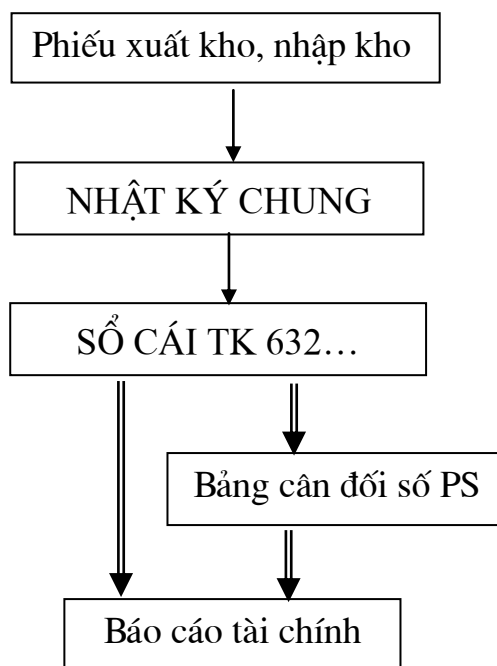
*** Tài khoản sử dụng:**

- TK 632: Giá vốn hàng bán
 - + TK 632- H: Giá vốn hàng hóa
 - + TK 632- D: Giá vốn dịch vụ
- TK 154, 156

*** Sổ kế toán sử dụng:**

- Nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 632, 154, 156...
- Sổ chi tiết tài khoản 632- H, 632- D
- Các sổ có liên quan khác

*** Quy trình luân chuyển chứng từ:**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu: \longleftrightarrow

Ví dụ: Hoạt động th- ơng mại

Ngày 25/12/2010 công ty bán 40 tấn xi măng cho cửa hàng ông Trần Văn Lan

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

- Kế toán viết phiếu xuất kho

- Kế toán định khoản

○ Giá vốn:

Nợ 632-H : 27 400 000

Có 156 : 27 400 000

Ví dụ: Hoạt động vận tải

Cuối tháng kế toán sẽ tập hợp và kết chuyển giá thành dịch vụ vận tải hoàn thành trong kỳ.

- Kế toán định khoản:

○ Giá vốn:

Nợ 632-D : 1 179 211 800

Có 154 : 1 179 211 800

Công ty TNHH vận tải Thành Trung
Số 81 Bạch Đằng - Núi Đèo - TN - HP

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

ĐVT: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ/-	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
.....
13/12/2010	PC 20/12	13/12/2010	"Dịch vụ thẩm định giá"	642	2 090 909	
				133	209 091	
				111		2 300 000
17/12/2010	HĐ 097710	17/12/2010	Vận chuyển tinh bột	131	112 000 000	
				5113		101 818 182
				3331		10 181 818
20/12/2010	LCC 25/12	20/12/2010	Thu tiền bán hàng	112	292 000 000	
				131		292 000 000
22/12/2010	HĐ 097711	22/12/2010	Thu tiền bán hàng	112	174 999 990	
				5113		159 090 900
				3331		15 909 090
25/12/2010	HĐ 097713	25/12/2010	Bán xi măng	131	34 320 000	
				5111		31 200 000
				3331		3 120 000
	PX 03/12	25/12/2010	Xuất xi măng	632-H	27 400 000	
				156		27 400 000
.....
31/12/2010	PKT 27/12	31/12/2010	Giá vốn vận chuyển	632-D	1 179 251 300	
				154		1 179 251 300
.....
			Tổng cộng		208 632 945 761	208 632 945 761

(Trích tháng 12 năm 2010)

Công ty TNHH vận tải Thành Trung
Số 81 Bạch Đằng - Núi Đèo - TN - HP

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

SỔ CÁI

TK 632: Giá vốn hàng bán

Tháng 12 năm 2010

ĐVT: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ/-	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số đầu kỳ			
			Phát sinh			
.....
12/12/2010	PX 01/12	12/12/2010	Xuất bán	156	20 550 000	
24/12/2010	PX 02/12	24/12/2010	Xuất bán	156	34 250 000	
25/12/2010	PX 03/12	25/12/2010	Xuất bán	156	27 400 000	
31/12/2010	PKT 15/12	31/12/2010	Giá vốn vận chuyển	154	1 179 251 300	
31/12/2010	PKT 27/12	31/12/2010	K/c giá vốn	911		1 261 451 300
			Tổng phát sinh		1 261 451 300	1 261 451 300
			Số cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ng- ời ghi số

Kế toán tr- ờng

Giám đốc

(Trích sổ cái TK 632 tháng 12 năm 2010)

2.2.1.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty

Chi phí quản lý kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tuy nhiên, doanh nghiệp chỉ lập Sổ Cái tài khoản 642 mà không lập Sổ chi tiết các tài khoản chi tiết 6421 – Chi phí bán hàng và tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

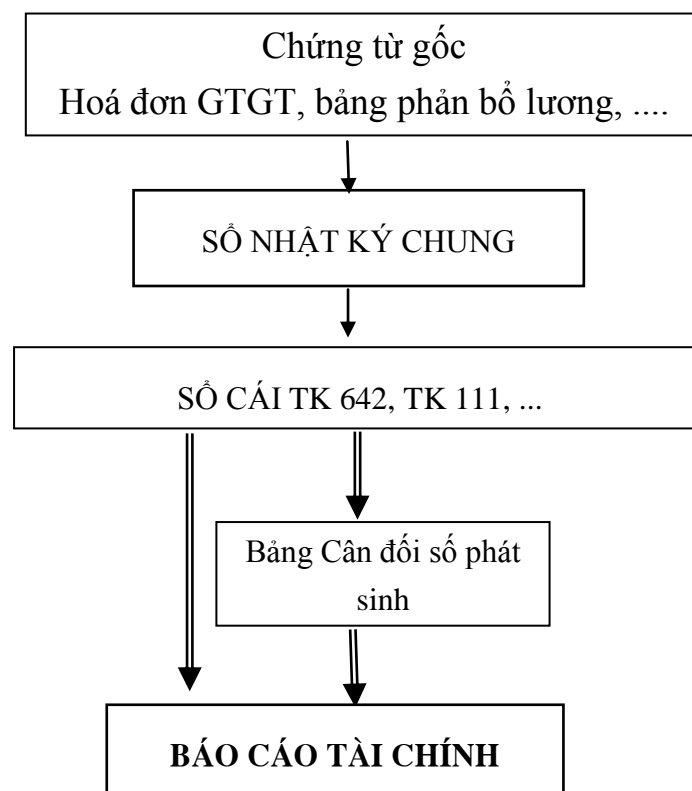
*** Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn GTGT.
- Bảng phân bổ lương và BHXH.
- Bảng tính và trích khấu hao TSCĐ.
- Phiếu chi.
- Các chứng từ khác có liên quan.

*** Tài khoản sử dụng:**

- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Và các TK khác có liên quan: TK 111, TK 112, ...

*** Quy trình luân chuyển chứng từ:**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Ví dụ:

Ngày 13/12/2010 hóa đơn GTGT số 0092626, công ty TNHH vận tải Thành Trung mua “Dịch vụ thẩm định giá” của công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng TMCP Sài Gòn. Công ty tiến hành thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Kế toán sẽ viết phiếu chi. Căn cứ các chứng từ kế toán vào nhật ký chung, và các sổ kế toán có liên quan.

Kế toán ghi sổ theo định khoản:

Nợ 642 : 2 090 909

Nợ 133 : 209 091

Có 111 : 2 300 000

Công ty TNHH vận tải Thành Trung
Số 81 Bạch Đằng - Núi Đèo - TN - HP

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

ĐVT: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ/-	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
.....
13/12/2010	PC 20/12	13/12/2010	"Dịch vụ thám định giá"	642 133 111	2 090 909 209 091	2 300 000
17/12/2010	HĐ 097710	17/12/2010	Vận chuyển tinh bột	131	112 000 000	
				5113		101 818 182
				3331		10 181 818
20/12/2010	LCC 25/12	20/12/2010	Thu tiền bán hàng	112	292 000 000	
				131		292 000 000
22/12/2010	HĐ 097711	22/12/2010	Thu tiền bán hàng	112	174 999 990	
				5113		159 090 900
				3331		15 909 090
25/12/2010	HĐ 097713	25/12/2010	Bán xi măng	131	34 320 000	
				5111		31 200 000
				3331		3 120 000
	PX 03/12	25/12/2010	Xuất xi măng	632- H	27 400 000	
				156		27 400 000
.....
			Tổng cộng		208 632 945 761	208 632 945 761

(Trích tháng 12 năm 2010)

Công ty TNHH vận tải Thành Trung
Số 81 Bạch Đằng - Núi Đèo - TN - HP

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

SỔ CÁI

TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh

Tháng 12 năm 2010

ĐVT: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ/-	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số đầu kỳ			
			Phát sinh			
....	
13/12/2010	HĐ 092626	13/12/2010	"Dịch vụ thẩm định giá"	111	2 090 900	
....	
31/12/2010	PKT 09/12	31/12/2010	L- ơng nhân viên T12	334	21 300 000	
	PKT 10/12	31/12/2010	Trích theo l- ơng	338	4 686 000	
	PKT 14/12	31/12/2010	Trích khấu hao TSCĐ	214	20 479 389	
	PKT 16/12	31/12/2010	K/c chi phí QLDN	911		55 078 590
			Tổng phát sinh		55 078 590	55 078 590
			Số cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ng- ời ghi sổ

Kế toán tr- ờng

Giám đốc

(Trích sổ cái TK 642 tháng 12 năm 2010)

2.2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH vận tải Thành Trung.

*** Chứng từ sử dụng:**

- Với doanh thu hoạt động tài chính: Chứng từ sử dụng gồm có phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng và phiếu kế toán khác.

- Với chi phí tài chính: Gồm có phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng và phiếu kế toán khác.

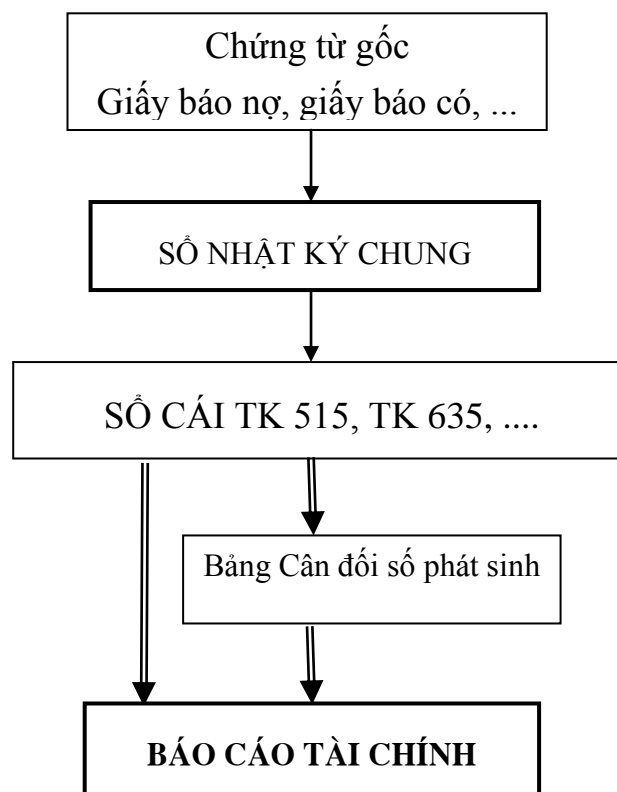
*** Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản sử dụng về doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty gồm có: - TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

- TK 635: Chi phí tài chính.

Hai tài khoản trên đều không có tài khoản cấp 2.

*** Quy trình luân chuyển chứng từ:**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: ⇨

Ví dụ 1:

Ngày 10/12/2010 công ty trả lãi TK vay 208S1N1100290001 bằng tiền mặt.
Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh kế toán viết phiếu chi, vào các sổ có liên quan.

Kế toán ghi sổ theo định khoản:

Nợ 635 : 4 300 000

Có 111 : 4 300 000

Ví dụ 2:

Định kỳ hàng tháng công ty nhận đ-ợc thông báo về khoản lãi mà công ty đ-ợc h-ởng trong tháng.

Căn cứ vào các chứng từ kế toán tiến hành định khoản và ghi vào các sổ có liên quan.

Kế toán ghi sổ theo định khoản:

Nợ 112 : 102 500

Có 515 : 102 500

HABUBANK
 CHI NHANH LE CHAN
 MA CHI NHANH: 280

LỆNH CHUYỂN CỐ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kính gửi: CONG TY TNHH VAN TAI THANH TRUNG
 Số ID khách hàng:
 Số tài khoản: 280002595679
 Mã khách hàng: 270092712
 Loại tiền: VND
 Loại thanh toán: TIEN GUI THANH TOAN

Chúng tôi xin thông báo đã ghi CỐ tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP nhà Hà Nội	202 500
Tổng số tiền	202 500

Số tiền bằng chữ: Hai trăm linh hai nghìn năm trăm đồng./

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Lập phiếu
 (Ký, họ tên)

Kiểm soát
 (Ký, họ tên)

Kế toán tr-ởng
 (Ký, họ tên)

Công ty TNHH vận tải Thành Trung
Số 81 Bạch Đằng - Núi Đèo - TN - HP

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ tr-ởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

ĐVT: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ/-	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
.....
10/12/2010	PC 10/12	10/12/2010	Trả lãi tiền vay	635	4 300 000	
				111		4 300 000
20/12/2010	PC 28/12	20/12/2010	Thu phí giải ngân	635	100 000	
				111		100 000
20/12/2010	GBN	20/12/2010	Trả lãi tiền vay	635	6 405 000	
				112		6 405 000
31/12/2010	LCC	31/12/2010	Lãi tiền gửi tại	112	202 500	
			Habubank	515		202 500
	LCC	31/12/2010	Lãi tiền gửi tại VIP	112	98 700	
				515		98 700
.....
			Tổng cộng		208 632 945 761	208 632 945 761

(Trích tháng 12 năm 2010)

Công ty TNHH vận tải Thành Trung
Số 81 Bạch Đằng - Núi Đèo - TN - HP

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK 635: Chi phí hoạt động tài chính
Tháng 12 năm 2010

ĐVT: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ/-	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số đầu kỳ			
			Phát sinh			
....	
10/12/2010	PC 10/12	10/12/2010	Trả lãi vay	111	4 300 000	
20/12/2010	PC 28/12	20/12/2010	Phí giải ngân	111	100 000	
	GBN	20/12/2010	Trả lãi vay	112	6 405 000	
					
31/12/2010	PKT 16/12	31/12/2010	K/c chi phí	911		19 913 970
			Tổng phát sinh		19 913 970	19 913 970
			Số cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Trích sổ cái TK 635 tháng 12 năm 2010)

Công ty TNHH vận tải Thành Trung
Số 81 Bạch Đằng - Núi Đèo - TN - HP

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ tr-ởng BTC)

SỔ CÁI

TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
Tháng 12 năm 2010

ĐVT: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ/-	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số đầu kỳ			
			Phát sinh			
31/12/2010	LCC	31/12/2010	Lãi NH Habubank	112		202 500
	LCC	31/12/2010	Lãi NH VIP	112		98 700
	LCC	31/12/2010	Lãi NH Đông á	112		18 700
....
	PKT 18/12	31/12/2010	K/c doanh thu	911	630 725	
			Tổng phát sinh		630 725	630 725
			Số cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ng-ời ghi số

Kế toán tr-ởng

Giám đốc

(Trích sổ cái TK 515 tháng 12 năm 2010)

2.2.3. Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH vận tải Thành Trung.

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Kết quả kinh doanh cũng là cơ sở để doanh nghiệp tự đánh giá khả năng sản xuất kinh doanh, từ đó có những phân tích đúng đắn, hợp lý cho quá trình kinh doanh của mình.

*** Tài khoản sử dụng:**

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối.
- TK 821: Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp.
- Và các TK khác có liên quan: TK 333, TK 511, TK 632, ...

*** Hạch toán xác định kết quả kinh doanh:**

Hạch toán kết quả kinh doanh của Công ty dựa trên việc hạch toán các TK 511, 515, 632, 635, 642,...

Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có trên TK 911, xác định số chênh lệch “Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí” kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty như sau:

- Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) > 0 (Bên Nợ < Bên Có)
=> Doanh nghiệp có lãi, kế toán sẽ xác định số thuế TNDN phải nộp, số còn lại sẽ được kết chuyển sang bên có TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối
- Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) = 0 (Bên Nợ = Bên Có)
=> Doanh nghiệp hòa vốn.
- Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) < 0 (Bên Nợ > Bên Có)
=> Doanh nghiệp bị lỗ, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Nợ của TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối.

Ví dụ: Kết quả kinh doanh của công ty tháng 12 năm 2010 là:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là: 1 875 671 879 . Trong đó doanh thu hoạt động thương mại là: 93 600 000, doanh thu dịch vụ là: 1 782 071 879.

- Doanh thu hoạt động tài chính là: 630 725
- Giá vốn hàng bán là: 1 261 451 300. Trong đó, giá vốn hoạt động thương mại là: 82 200 000, giá vốn hoạt động dịch vụ là: 1 179 251 300.
- Chi phí tài chính là: 19 913 970
- Chi phí quản lý kinh doanh là: 55 078 590

Kế toán tiến hành ghi sổ theo định khoản:

○ Kết chuyển chi phí

Nợ 911	:	1 336 443 860
Có 632	:	1 261 451 300
Có 635	:	19 913 970
Có 642	:	55 078 590

○ Kết chuyển doanh thu

Nợ 511	:	1 875 671 879
Nợ 515	:	630 725
Có 911	:	1 876 302 604

○ Thuế TNDN phải nộp

Nợ 821	:	134 964 686
Có 3334	:	134 964 686

○ Kết chuyển TNDN

Nợ 911	:	134 964 686
Có 821	:	134 964 686

○ Kết chuyển lãi

Nợ 911	:	404 894 058
Có 421	:	404 894 058

Công ty TNHH vận tải Thành Trung
Số 81 Bạch Đằng - Núi Đèo - TN - HP

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

ĐVT: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ/-	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
.....
31/12/2010	PKT 16 /12	31/12/2010	K/c chi phí	911	1 336 443 860	
				632		1 261 451 300
				635		19 913 970
				642		55 078 590
	PKT 18/12	31/12/2010	K/c doanh thu	511	1 875 671 879	
				515	630 725	
				911		1 876 302 604
	PKT 19/12	31/12/2010	Chi phí thuế TNDN	821	134 964 686	
				3334		134 964 686
	PKT 20/12	31/12/2010	K/c chi phí thuế TNDN	911	134 964 686	
				821		134 964 686
	PKT 21/12	31/12/2010	K/c lãi	911	404 894 058	
				421		404 894 058
			Tổng cộng		208 632 945 761	208 632 945 761

(Trích tháng 12 năm 2010)

Công ty TNHH vận tải Thành Trung
Số 81 Bạch Đằng - Núi Đèo - TN - HP

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

SỔ CÁI

TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Tháng 12 năm 2010

ĐVT: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ/-	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số đầu kỳ			
			Phát sinh			
31/12/2010	PKT 16/12	31/12/2010	K/c chi phí	632	1 261 451 300	
				635	19 913 970	
				642	55 078 590	
	PKT 18/12	31/12/2010	K/c doanh thu	511		1 875 671 879
				515		630 725
	PKT 20/12	31/12/2010	K/c thuế TNDN	821	134 964 686	
	PKT 21/12	31/12/2010	K/c lãi sau thuế	421	404 894 058	
			Tổng phát sinh		1 876 302 604	1 876 302 604
			Số cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ng- ời ghi số

Kế toán tr- ờng

Giám đốc

(Trích sổ cái TK 911 tháng 12 năm 2010)

Đến cuối năm công ty không lập báo cáo kết quả kinh doanh của quý IV mà tiến hành lập báo cáo kết quả kinh doanh của cả năm.

Cty TNHH vận tải Thành Trung
Số 81 Bạch Đằng- TT Núi Đèo- Thủy Nguyên- HP

Mẫu số B02- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2010

DVT : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21,236,365,350	10,036,053,609
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 + 02)	10	21,236,365,350	10,036,053,609
4. Giá vốn hàng bán	11	15,136,942,360	6,018,183,097
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20	6,099,422,990	4,017,870,512
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7,568,698	7,523,340
7. Chi phí tài chính	22	1,798,967,664	1,682,063,606
* Trong đó : Chi phí lãi vay	23	1,798,967,664	1,182,063,606
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	681,687,328	505,779,210
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+21-22-24)	30	3,626,336,696	1,837,551,036
10. Thu nhập khác	31		
11. Chi phí khác	32		
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50	3,626,336,696	1,837,551,036
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	906,584,174	459,387,759
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60	2,719,752,522	1,378,163,277

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG III

MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THÀNH TRUNG

3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY

3.1.1. Các kết quả đạt được

Trong quá trình thực tập và tìm hiểu tình hình thực tế về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty em nhận thấy: Bộ máy quản lý nói chung và bộ phận kế toán nói riêng của Công ty TNHH vận tải Thành Trung đã không ngừng tìm tòi, hoàn thiện và nâng cao để đáp ứng nhu cầu kinh doanh của Công ty.

3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán.

- Là một Công ty chủ yếu hoạt động cung cấp dịch vụ, vì vậy việc áp dụng mô hình tổ chức công tác kế toán tập trung là khá phù hợp. Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhận chức năng nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hoá của cán bộ kế toán, đồng thời phát huy được trình độ của mỗi nhân viên.

- Về nhân sự, bộ phận kế toán có bốn người gồm một kế toán trưởng và ba kế toán viên rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại công ty. Thêm vào đó, đội ngũ kế toán có bề dày kinh nghiệm, vững vàng kiến thức chuyên môn giúp cho công tác kế toán tại công ty đạt hiệu quả cao.

3.1.1.2. Về tổ chức hệ thống sổ kế toán.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách cho đến cách thức vào sổ giúp công tác kế toán được thuận lợi.

Đồng thời Công ty sử dụng đầy đủ các loại sổ sách từ chi tiết cho đến tổng hợp như:

- Sổ chi tiết doanh thu theo dõi riêng biệt cho từng loại doanh thu như doanh thu bán hàng hoá, doanh thu cung cấp dịch vụ.

- Ngoài ra, kế toán còn mở các sổ chi tiết khác như sổ chi tiết hàng hoá cho từng mặt hàng, giúp theo dõi cụ thể từng danh mục hàng hoá mua vào, bán ra của Công ty, sổ chi tiết công nợ cho từng đối tượng khách hàng giúp theo dõi việc thanh toán, chi trả của khách hàng trở nên dễ dàng, thuận tiện hơn. Đồng thời giúp ban quản trị Công ty thấy được tình hình bị chiếm dụng vốn của Công ty để có các chính sách thu hồi công nợ hợp lý.

Các bảng tổng hợp và sổ Cái tài khoản được phản ánh một cách đầy đủ, khoa học đảm bảo được yêu cầu về đối chiếu, kiểm tra từ đó tránh được những sai sót trong quá trình hạch toán.

3.1.1.3. Về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Việc cập nhật kịp thời cũng như việc áp dụng những quy định mới về chế độ kế toán giúp cho Công ty tiến hành công tác kế toán một cách chính xác, tránh được những sai sót không đáng có.

- Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công ty tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo từng quý vì vậy sẽ luôn đảm bảo được quá trình cung cấp thông tin kịp thời về kết quả hoạt động kinh doanh, giúp cho Ban lãnh đạo Công ty ra những quyết định về kinh doanh để ngày càng nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng lợi nhuận.

3.1.2. Các tồn tại trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Bên cạnh những ưu điểm về bộ máy quản lý, bộ máy kế toán nói chung và công tác doanh thu, chi phí và các định kết quả kinh doanh nói riêng thì Công ty còn một số mặt hạn chế nhất định mà Công ty cần phải khắc phục.

- **Đối với chính sách bán hàng:** Hiện nay công ty không áp dụng các chính sách chiết khấu thương mại. Điều này cũng ảnh hưởng rất nhiều đến phát triển và mở rộng kinh doanh của công ty.

- **Đối với việc hạch toán chi phí quản lý kinh doanh:** Công ty không tiến hành mở chi tiết cấp hai cho TK 642 để theo dõi riêng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Tất cả các chi phí đều được theo dõi chung điều này sẽ gây khó khăn cho ban quản lý của công ty khi muốn đánh giá hiệu quả hoạt động bán hàng trong kỳ của doanh nghiệp để trên cơ sở đó có những chính sách hợp lý.

- **Về tình hình quản lý công nợ:** Công ty không áp dụng chiết khấu thanh toán. Đây là một hạn chế đối với công ty vì với hoạt động vận tải biển thì quy mô của các khoản phải thu là rất lớn mà việc thanh toán của khách hàng nhiều khi còn chậm. Trong khi đó việc thanh toán của công ty với người bán phải nhanh. Điều này làm cho vốn kinh doanh của công ty bị hạn chế, quay vòng vốn chậm do bị chiếm dụng vốn.

- **Ứng dụng khoa học:** Hiện nay Công ty vẫn tiến hành ghi chép theo dõi sổ sách kế toán bằng phương pháp thủ công. Việc này gây nhiều hạn chế cho kế toán khi cuối tháng công việc nhiều dễ dẫn đến nhầm lẫn.

3.2. CÁC KIẾN NGHỊ ĐỂ HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN.

3.2.1. Những nguyên tắc cơ bản của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Việc hoàn thiện phải đảm bảo tuân thủ đúng chế độ kế toán và chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước.

- Các biện pháp hoàn thiện đưa ra cần mang tính khả thi, có hiệu quả cao nhất với chi phí thấp nhất. Chính vì vậy việc hoàn thiện phải dựa trên nguồn nhân lực hiện có, bộ máy quản lý công ty không thay đổi, phù hợp với đặc điểm công ty.

- Hoàn thiện kế toán phải đảm bảo kết hợp thống nhất giữa kế toán tổng hợp với kế toán chi tiết. Nguyên tắc này thể hiện ở việc sử dụng khoa học hệ thống tài khoản đảm bảo hiệu quả của công tác kế toán, đồng thời có một hệ thống sổ chi tiết gọn nhẹ và đầy đủ.

- Việc hoàn thiện công tác kế toán phải đảm bảo đ- ợc việc cung cấp thông tin kịp thời cho cán bộ quản lý.

3.2.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

3.2.2.1.Chính sách bán hàng

Là một công ty có uy tín lớn trên thị trường, thường xuyên có những hợp đồng giá trị lớn, công ty đang không ngừng phát triển. Tuy nhiên, trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt, nhiều bất ổn, giá cả các mặt hàng không ngừng biến động, vì vậy để tồn tại và phát triển vững mạnh thì ngoài những chính sách bán hàng truyền thống, công ty nên có những chính sách bán hàng mới như: Chiết khấu cho những khách hàng lớn, quen thuộc, mua nhiều với số lượng lớn.

Tùy từng mặt hàng, công ty có thể áp dụng các chính sách chiết khấu cho phù hợp. Cụ thể:

- Hoạt động vận tải biển: Với những khách hàng thường xuyên vận chuyển hàng và vận chuyển với khối lượng hàng lớn thì ta cần ưu tiên cho hưởng chính sách chiết khấu thích hợp để họ tiếp tục hợp tác lâu dài với công ty.
- Hoạt động thương mại: đây là lĩnh vực mới đối với công ty vì vậy cần thực hiện các chính sách chiết khấu thương mại để thu hút được nhiều khách hàng nhanh chóng mở rộng và chiếm lĩnh thị trường.

3.2.2.2.Chi tiết thêm tài khoản

- * Với chính sách chiết khấu, giảm giá nhằm khuyến khích khách hàng công ty nên thêm “Tài khoản 521- Các khoản giảm trừ doanh thu” chi tiết:
 - + Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại: phản ánh số giảm giá cho người mua hàng với khối lượng lớn được ghi trên hóa đơn bán hàng hoặc các chứng từ khác liên quan đến bán hàng.

Khi doanh nghiệp thực hiện chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với khối lượng lớn, căn cứ vào hóa đơn bán hàng và các chứng từ liên quan khác, kế toán ghi:

Nợ TK 521 – Các khoản giảm trừ (5211 - Chiết khấu thương mại)

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (nếu có)

Có các TK 111, 112, 131, ...

- * Công ty hiện đang phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng và quản lý doanh nghiệp vào “Tài khoản tổng hợp 642 – Chi phí quản lý kinh doanh”.

Để kiểm soát chi phí được chặt chẽ, chính xác, hiệu quả hơn, công ty nên mở chi tiết “Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh” thành hai tài khoản chi tiết:

+ Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng: dùng để phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

+ Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp: dùng để phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Ví dụ : Ngày 15/12/2010, mua văn phòng phẩm cho bộ phận quản lý và bộ phận bán hàng, trong đó:

Bộ phận quản lý : 5,000,000 đồng

Bộ phận bán hàng : 3,000,000 đồng

Thuế suất thuế GTGT 10%, đã trả bằng tiền mặt.

Căn cứ vào Phiếu chi, kế toán định khoản:

Nợ TK 6421 : 5,000,000

Nợ TK 6422 : 3,000,000

Nợ TK 133 : 800,000

Có TK 111 : 8,800,000

Kế toán ghi Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái các tài khoản có liên quan.

3.2.2.3. Quản lý công nợ

Số tiền phải thu khách hàng mỗi năm của công ty chiếm khoảng 60% doanh thu bán hàng của công ty. Điều này làm vốn lưu động của công ty bị chiếm dụng, ảnh hưởng đến việc quay vòng vốn. Bên cạnh đó việc thanh toán của công ty với nhà cung cấp phải đảm bảo nhanh chóng dẫn đến việc thiếu vốn.

Để hạn chế điều này công ty cần có một chính sách thu hồi nợ hợp lý. Công ty có thể áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán với những khách hàng thanh toán trước trước hạn. Như vậy công ty sẽ nhanh chóng thu hồi được vốn.

Công ty cần xây dựng một tỷ lệ chiết khấu hợp lý với những khoản nợ mà khách hàng thanh toán sớm để đảm bảo lợi nhuận, cụ thể:

- + Với những khoản nợ dưới 100 triệu sẽ được hưởng chiết khấu 0.5%
- + Với những khoản nợ từ 100→250 triệu sẽ hưởng chiết khấu 1%
- + Với những khoản nợ từ 250→350 triệu sẽ hưởng chiết khấu 1.5%
- + Với những khoản nợ trên 350 triệu sẽ hưởng chiết khấu 2%

Tuy nhiên công ty không nên để khách hàng nợ quá nhiều và lâu. Với những khách hàng như vậy công ty nên có các biện pháp như dừng cung cấp dịch vụ và nhanh chóng thu hồi nợ.

Chiết khấu thanh toán được phản ánh vào TK 635- Chi phí tài chính

Nợ TK 635: Khoản chiết khấu dành cho khách hàng

Có TK 111, 112, 131

Ví dụ: Vận chuyển tinh bột sắn cho công ty TNHH vận tải Hùng Thái với tổng cộng tiền thanh toán là 112 000 000 (bao gồm VAT 10%). Công ty Hùng Thái chưa thanh toán. Trong trường hợp này nếu công ty Hùng Thái thanh toán sớm thì sẽ được hưởng chiết khấu là:

$$112\,000\,000 \times 1\% = 1\,120\,000$$

Kế toán sẽ tiến hành định khoản:

Nợ TK 635 : 1 120 000

Có TK 131 : 1 120 000

Kế toán ghi sổ nhật ký chung và sổ cái các tài khoản có liên quan

3.2.2.4. Ứng dụng khoa học

Kinh tế thị trường ngày càng phát triển thì quy mô hoạt động của doanh nghiệp càng lớn, mối quan hệ kinh tế pháp lý mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng cao, làm cho nhu cầu thu nhận, xử lý cung cấp thông tin ngày càng khó khăn, phức tạp. Để tăng hiệu quả trong công tác kế toán công ty nên đưa vào sử dụng phần mềm kế toán.

Kế toán theo phương pháp thủ công mất rất nhiều thời gian, công sức, con người vào việc ghi chép, theo dõi, tổng hợp cũng như xử lý thông tin. Việc sử dụng phần mềm kế toán sẽ giúp khắc phục những nhược điểm này. Số lượng kế toán viên sẽ giảm, việc tập hợp và tổng hợp số liệu kế toán sẽ nhanh chóng, chính xác giúp cho công tác quản lý đạt được hiệu quả cao.

Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán rất hữu ích và được sử dụng phổ biến như phần mềm kế toán Metadata accounting, phần mềm kế toán Misa... đã nhận được giải thưởng sao khuê về công nghệ thông tin.

KẾT LUẬN

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp chiếm vị trí, vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm và cả trong công tác quản lý của doanh nghiệp.

Trong điều kiện hiện nay, cạnh tranh trên thị trường diễn ra ngày càng gay gắt, kết quả kinh doanh của mỗi doanh nghiệp có tính chất quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp đó. Vì vậy, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh càng phải được tổ chức tốt, đảm bảo phản ánh, ghi chép một cách đầy đủ, chính xác tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin này sẽ giúp các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra các quyết định kinh tế phù hợp nhằm nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Công tác kế toán ở Công ty TNHH vận tải Thành Trung nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng về cơ bản đã góp được một phần vào nhu cầu quản lý trong điều kiện mới. Tuy nhiên nếu công ty có những biện pháp tích cực hơn nhằm hoàn thiện một số tồn tại trong công tác kế toán thì vai trò, tác dụng của kế toán công ty còn được phát huy hơn nữa trong quá trình phát triển của công ty.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo công ty TNHH vận tải Thành Trung, các anh chị của bộ phận kế toán đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ em có được những tài liệu cần thiết và sự hướng dẫn nhiệt tình của Tiến sĩ Nghiêm Thị Thà đã giúp em hoàn thành bài báo cáo này.

Vì đây là bước đầu nghiên cứu nên chắc chắn trong báo cáo không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong các thầy cô góp ý để bài báo cáo được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn.

Sinh viên

Nguyễn Thị Thảo